

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---***---

Số: 07-04/2024/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo thường niên năm 2023

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:

<https://quangbinhjsc.com.vn/news/596-bao-cao-thuong-nien-nam-2023>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023

Đại diện tổ chức

Người CBTT



PHẠM THỊ NGỌC NINH



CTCP XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
QUANG BINH IMPORT AND EXPORT JSC

20

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

23

**VỮNG BƯỚC
VƯỢT
THÁCH THỨC**



MỤC LỤC

Chương 01

Thông tin chung

- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 07 Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 09 Tổng quan công ty
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Giải thưởng
- 14 Ngành nghề kinh doanh
- 15 Địa bàn kinh doanh
- 16 Mục tiêu và định hướng phát triển
- 17 Rủi ro

Chương 02

Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức và nhân sự

- 20 Mô hình quản trị
- 22 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 24 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 26 Giới thiệu Ban Điều hành
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 32 Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông

Chương 03

Báo cáo hoạt động 2023 và kế hoạch 2024

- 36 Phân tích vĩ mô và ngành 2023
- 42 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 43 Tình hình tài chính
- 48 Báo cáo của Ban điều hành
- 52 Báo cáo của HĐQT

Chương 04

Báo cáo quản trị công ty

- 58 Hội đồng quản trị
- 60 Ban Kiểm soát
- 61 Giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích
- 62 Báo cáo tình hình thực hiện quản trị công ty dựa trên thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean

Chương 05

Báo cáo tác động môi trường và xã hội

- 80 Tâm nhìn bền vững
- 82 Báo cáo tác động môi trường
- 84 Chính sách với người lao động
- 85 Trách nhiệm với cộng đồng

Chương 06

Báo cáo tài chính kiểm toán 2023

- 88 Báo cáo của Ban Điều hành
- 90 Báo cáo kiểm toán độc lập



01

Thông tin chung

- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 07 Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 09 Tổng quan công ty
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 12 Giải thưởng
- 14 Ngành nghề kinh doanh
- 15 Địa bàn kinh doanh
- 16 Mục tiêu và định hướng phát triển
- 17 Rủi ro

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông và các đối tác thân quý,

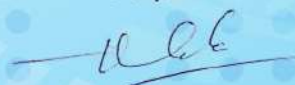
Năm 2023 khép lại là một năm đầy biến động đối với CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình nói riêng và các doanh nghiệp ngành xuất nhập khẩu nói chung. Căng thẳng leo thang ở nhiều nơi trên thế giới đã kéo theo giá cước vận tải hàng hoá và chi phí vận chuyển trên biển tăng đột biến, gây ra sự đứt gãy chuỗi cung ứng và thương mại toàn cầu. Với bối cảnh kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn như hiện nay, ngành xuất nhập khẩu phân bón tại Việt Nam cũng phải đối mặt với những ảnh hưởng tiêu cực không thể tránh khỏi. Sản lượng sản xuất và thương mại phân bón đều giảm so với năm 2022, đồng thời chi phí sản xuất tăng cao đã kéo giá phân bón đi lên trong khi nhu cầu thấp khiến biên lợi nhuận giảm.

Trước tình hình đó, đội ngũ Ban điều hành và Nhân sự đã nỗ lực hết mình để chèo lái con tàu QBS vượt qua sóng lớn và đem về những tín hiệu khả quan. Nhờ vào chiến lược đúng đắn và kịp thời, kết quả kinh doanh của Công ty năm 2023 đã có nhiều cải thiện, ghi nhận: doanh thu ở mức 453.289 triệu đồng, tăng 26,14% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận gộp đạt mức 2.237 triệu đồng, tăng 1.096,26% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm tiếp theo, chúng tôi tiếp tục hành trình định vị doanh nghiệp từ việc tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh. Chúng tôi nỗ lực tập trung phát triển thương mại phân bón - vốn là ngành mũi nhọn của BQS, đồng thời nghiên cứu, đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh những ngành mới.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến tất cả Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và các cá nhân đã đồng hành cùng chúng tôi xuyên suốt thời gian đầy thách thức vừa qua. Chúng tôi tin rằng sự đồng hành của Quý vị là sức mạnh to lớn và đáng quý nhất để chúng tôi hoàn thành chuyến "hải trình" năm 2023 và tiếp tục nhiều cuộc khám phá hơn nữa.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



Vũ Thị Dương

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT

Chúng tôi luôn nỗ lực tối đa để mang đến sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất trong thời gian đúng hạn.

CHÍNH TRỰC

Luôn phấn đấu để có được niềm tin của mọi đối tác và khách hàng, tạo niềm tin đối với cộng đồng.

CHUYÊN NGHIỆP

Chuẩn hóa trong mọi hoạt động nhằm phục vụ khách hàng một cách hiệu quả nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

ĐỔI MỚI

Luôn đổi mới, sáng tạo trong công việc và công nghệ để đem lại sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

CHĂM SÓC

Chúng tôi luôn chăm sóc khách hàng một cách tận tâm, chu đáo để khách hàng luôn hài lòng về sản phẩm và dịch vụ chúng tôi cung cấp.



TỔNG QUAN CÔNG TY

Giá trị bền vững cho nhà nông

là triết lý kinh doanh của Quảng Bình. Lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam mặc dù được coi là tiềm năng nhưng lại chưa phát huy được tiềm năng này, nguyên nhân phần lớn do nông dân chưa có trong tay vật tư nông nghiệp tốt nhất với giá thành hợp lý. Quảng Bình nỗ lực giải quyết vấn đề này thông qua việc tập trung phát triển và tìm kiếm sản phẩm vật tư nông nghiệp chất lượng cao, xanh, sạch, và kết nối đầu ra ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp, qua đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm và hướng tới một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam. Với triết lý kinh doanh như vậy, Quảng Bình JSC. cũng thể hiện được “Trách nhiệm xã hội” của mình thông qua việc nỗ lực để góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống và tiến tới làm giàu cho nông dân Việt Nam.

Tâm nhìn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hướng tới trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp phân bón, hóa chất và vật tư nông nghiệp ở Việt Nam.

Sứ mệnh

Quảng Bình cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.

Tên tiếng Việt:	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
Tên tiếng Anh:	Quang Binh Import and Export Joint Stock Company
Tên viết tắt:	Quang Binh JSC.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12/03/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 30 vào ngày 29/07/2022
Vốn điều lệ:	693.299.280.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	485.525.626.570 đồng
Địa chỉ:	Số 23 lô 01 – Khu 97 Bạch Đằng – Phường Hạ Lý – Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng
Số điện thoại:	(84.225) 626 3333
Số fax:	(84.225) 353 3679
Website:	www.quangbinhjsc.com.vn
Mã cổ phiếu:	QBS

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 1 tỷ đồng, trên cơ sở tách ra từ Công ty Cổ phần Hào Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản.



Đưa Nhà máy sản xuất phân bón NPK và phân lân vào hoạt động với thương hiệu NPK Đình Vũ và lân Đình Vũ tại thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng.



Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ

Đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ. Tăng vốn điều lệ lên hơn 693 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược.

Hoàn thiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ.



Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 56 tỷ đồng. Mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh sang hoạt động dịch vụ kho bãi ngoại quan, tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu. Đồng thời, mở thêm 01 văn phòng đại diện tại Quảng Ninh và 01 chi nhánh tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng.

Vốn điều lệ được tăng lên 320 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 13/11/2014, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán: QBS.

Khánh thành Nhà máy Barite tại Savannakhet - Lào do Công ty góp vốn đầu tư. Đến tháng 08/2015, lô hàng thành phẩm đầu tiên được xuất sang thị trường Mỹ. Tháng 12/2015 QBS tăng vốn điều lệ lên gần 640 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng.

Thành lập liên doanh chiến lược toàn diện trong lĩnh vực logistic với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần và ký kết Hợp đồng Liên doanh xây dựng, vận hành khai thác kho lạnh tại Khu Công nghiệp Sóng Thần, tỉnh Bình Dương. Ký kết hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Transworld GLS Việt Nam thành lập Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD. Trong đó, Quảng Bình tham gia góp 40% vốn thành lập Công ty.



Gian hàng NPK Đình Vũ tại Hội chợ triển lãm Nông nghiệp Quốc tế lần thứ 16



Trụ sở chính của Công ty Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng



Hội nghị Phân bón Quốc tế, Bắc Kinh



Lễ ký kết thành lập CTCP Transworld QBV ICD

GIẢI THƯỞNG

Từ năm 2015, CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã lọt Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có nhiều thành tích nổi bật khác trải dài trên



nhiều lĩnh vực như quản trị công ty, an sinh xã hội, hoạt động công đoàn... và đã được công nhận từ những ngày đầu xây dựng cho đến nay.



Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Lao động giỏi và xây dựng Tổ chức Công đoàn do Liên đoàn Lao động Thành phố Hải Phòng trao tặng



Giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Lao động giỏi và xây dựng Tổ chức Công đoàn do Liên đoàn Lao động huyện Thủy Nguyên trao tặng



Giấy khen có thành tích hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm 2022 do Ban chấp hành Đảng bộ khối Doanh nghiệp huyện Thủy Nguyên trao tặng



Giấy khen Thành tích xuất sắc trong hoạt động an sinh xã hội năm 2020 do Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng trao tặng



Năm	Giải thưởng
2009	- Thành tích Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009.
	- Lãnh đạo Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009.
2010	- Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010 của UBND Thành phố Hải Phòng.
	- Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2011 của UBND Thành phố Hải Phòng.
2011	- Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng.
	- Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng.
2012	- Chứng nhận Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp.
	- Xây dựng doanh nghiệp và phong trào ủng hộ xã hội năm 2011.
2013	- Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp Thủy Nguyên và phong trào ủng hộ năm 2011 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp.
	- Tập thể lao động xuất sắc năm 2012 của UBND Thành phố Hải Phòng.
2014	- Giấy khen về việc đạt thành tích trong công tác thu và nộp thuế trước hạn năm 2012 do Cục Hải quan Hải Phòng cấp.
	- Giấy khen đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012 của Tổng cục Thuế.
2015	- Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp ngân sách nhà nước năm 2012 của UBND huyện Thủy Nguyên.
	- Nhà quản lý xuất sắc thời kỳ đổi mới năm 2013.
2016	- Chứng nhận Thương hiệu tin cậy năm 2013 do Viện nghiên cứu kinh tế phát triển cấp.
	- Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng năm 2013 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp.
2017	- Chứng nhận Doanh nghiệp của năm 2013.
	- Thành tích Xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP Hải Phòng năm 2014.
2018	- Chứng nhận Doanh nhân, Doanh nghiệp của năm do Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trao tặng năm 2014.
	- Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng.
2019	- Danh hiệu "Doanh nghiệp đồng hành cùng nhà nông" năm 2015.
	- Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015.
2020	- Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2016.
	- Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016.
2021	- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017.
	- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2018.
2022	- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2019.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

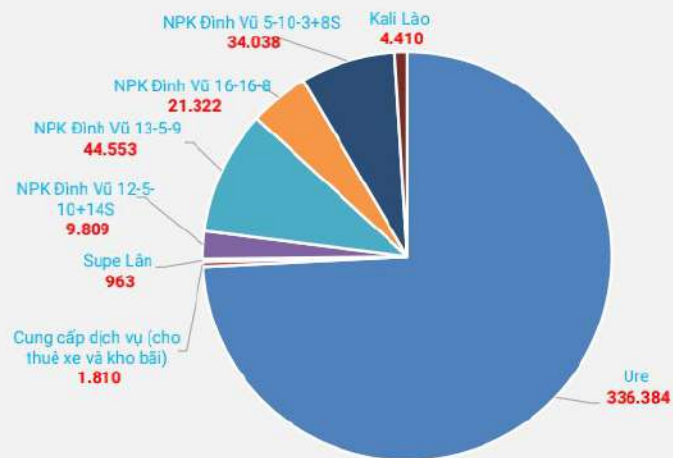
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH

Với mảng kinh doanh cho thuê kho bãi: Cho thuê kho bãi.

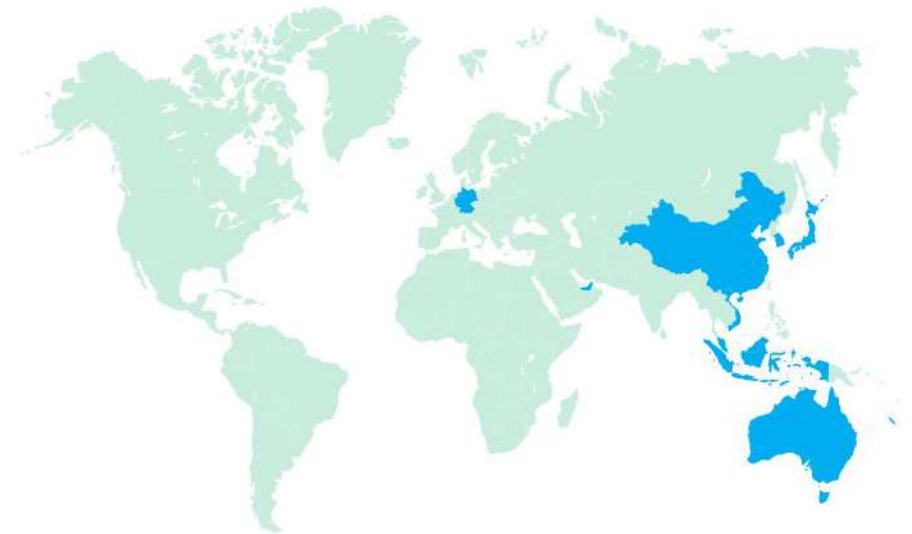
Với mảng sản xuất và kinh doanh phân bón – hóa chất: Ure, Supe Lân, NPK Đình Vũ, Kali Lào.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm của QBS năm 2023



ĐVT: Triệu đồng

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Trong nước:

Công ty là đối tác dài hạn với nhiều doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực phân bón, hóa chất, vật tư nông nghiệp như Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem), DAP Vinachem, Bary Chemical Pte, DAP Đình Vũ, Đạm Ninh Bình, CTCP Hóa chất Phúc Lâm, DMC Hà Nội,...

Quốc tế:

Với lợi thế có ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu phân bón, Công ty đã từng bước xây dựng mạng lưới khách hàng quốc tế với trên 25 khách hàng lớn bao gồm nhiều công ty, tập đoàn đa quốc gia như: Heartychem Corporation (Hàn Quốc), Daewoo International Corporation (Hàn Quốc), Mitsui & CO., Samsung C&T Singapore PTE LTD (Singapore), Sinopec Chemical commercial Holding (Hongkong), Ameropa Asia PTE LTD (Singapore), Agromate (M) SDN BHD (Malaysia), Transmart DMCC (Dubai – UAE), Helm AG – Đức, Mainland Minerals (Newzealand), Marubeni Corporation (Nhật Bản),...

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MẢNG PHÂN BÓN NỘI ĐỊA

Duy trì những mối quan hệ khách hàng truyền thống, chào bán những sản phẩm nguyên liệu do công ty chủ động nhập khẩu, cũng như tìm nguồn hàng nội địa phù hợp để chào bán. Tìm hiểu thêm các Nhà máy sản xuất phân bón trong cả nước, xây dựng thêm các mối quan hệ bạn hàng mới, chào bán phát triển mảng thương mại nội địa các mặt hàng phân bón.

MẢNG HÓA CHẤT VÀ HÀNG HÓA KHÁC

Duy trì đa dạng chủng loại của những mặt hàng thế mạnh hóa chất như Lưu huỳnh, Axit Sulphuric... Đồng thời phát triển thêm vào một số loại sản phẩm hóa chất khác mà nhà cung cấp nước ngoài sẵn có. Giữ vững thị phần và định hướng phát triển năm sau cao hơn năm trước các mặt hàng thực phẩm.

DỊCH VỤ KHO BÃI VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC

Củng cố chất lượng dịch vụ, xây dựng các chính sách phù hợp để tiếp tục thu hút thêm nhiều khách hàng mới. Thu hút thêm nhân lực có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dự án kho bãi, cảng cạn.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, dòng tiền để chống việc rủi ro liên quan tới vấn đề tài chính, nợ xấu.

Thúc đẩy sáng tạo, đưa ra các ý tưởng mới để đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, công nghệ để tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất.

Chủ động, linh hoạt thích ứng trong xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn lực, tổ chức thực hiện.

RỦI RO

Rủi ro lạm phát. Bình quân lạm phát năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022, đạt mục tiêu do Quốc Hội đề ra. Việc một số mặt hàng giảm giá theo giá thế giới đã giúp làm giảm áp lực lạm phát, cũng như việc tích cực triển khai các biện pháp như giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành đã cho thấy sự thành công của Việt Nam trong việc kiểm soát lạm phát. Sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các chính sách vĩ mô sẽ giúp kỳ vọng lạm phát được neo giữ vững, cải thiện niềm tin của cá nhân và doanh nghiệp vào sự ổn định của đồng nội tệ. Ngoài ra, rủi ro tiềm tàng từ biến động thị trường hàng hóa thế giới sẽ cần được chú ý, khi đang phải đối mặt với nhiều biến động, chịu ảnh hưởng từ các yếu tố chính trị, xã hội từ sự tiếp diễn giao tranh xung đột giữa Nga - Ukraine và căng thẳng tại Trung Đông.

Rủi ro tỷ giá. Sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất nhập khẩu của công ty. Trong năm 2023, tỷ giá thế giới nói chung và các quốc gia trọng điểm về xuất nhập khẩu của Việt Nam nói riêng liên tục ghi nhận những sự thay đổi. Các đồng tiền đều giảm mạnh so với USD do việc lo ngại neo giữ lãi suất ở mức cao của Cục Dự trữ Liên bang FED; gây hệ lụy tới tỷ giá hối đoái với xuất nhập khẩu. Công ty đã theo dõi chặt chẽ xu hướng tỷ giá và có những ứng biến kịp thời để giảm thiểu rủi ro này.

Rủi ro lãi suất. Trong năm 2023, Ngân Hàng Nhà Nước đã có 4 lần điều chỉnh lãi suất điều hành, trong bối cảnh lãi suất thế giới tăng cao, cũng như tạo điều kiện giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Kết quả là lãi suất giảm xuống mức thấp nhất trong 20 năm qua. Việc giảm lãi suất này phản ánh hiệu quả từ định hướng việc hỗ

trợ các doanh nghiệp, cá nhân được giảm chi phí vay. Với Công ty, lãi suất cho vay thấp sẽ giúp giảm chi phí sử dụng vốn, tăng hiệu quả lợi nhuận, đặc biệt trong thời điểm Công ty đang ghi nhận những tích cực trong hoạt động kinh doanh. Nhiều khả năng lãi suất cho vay sẽ tiếp tục giảm trong năm 2024, cũng như đẩy mạnh chính sách tài khoá, trong viên cảnh sức cầu nền kinh tế đang yếu và sự dư thừa thanh khoản của các Ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, cũng cần phải theo dõi sát sao các thông tin của Ngân Hàng Nhà Nước và FED về biến động lãi suất để có những biện pháp phù hợp, tránh những rủi ro nhất định về tín dụng.

Rủi ro thương mại. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, mọi biến động tỷ giá cũng như giá cả hàng hóa có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bao gồm dịch vụ kho ngoại quan, có thể chịu rủi ro từ những chính sách quản lý của Chính phủ, nhằm thắt chặt quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ nói chung. Những quy định chặt chẽ về quản lý kho bãi, khai báo hải quan hay tạm nhập tái xuất có thể gây khó dễ cho một số doanh nghiệp khác cùng ngành, song đó cũng trở thành cơ hội để giảm sự rủi ro cạnh tranh giữa các bên.

Rủi ro pháp luật. Rủi ro phát sinh do việc không kịp thời nắm bắt các quy định của pháp luật dẫn tới các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất kinh doanh. Rủi ro từ việc thường xuyên sửa đổi bộ luật do sự thiếu hoàn thiện trong hệ thống pháp luật Việt Nam sẽ gây cản trở tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, khiến Công ty phải thích nghi và thay đổi liên tục. Để hạn chế những tác động này, Công ty đã thực hiện quy chế cập nhật và xây dựng bộ điều lệ phù hợp với văn bản pháp luật mới nhất.

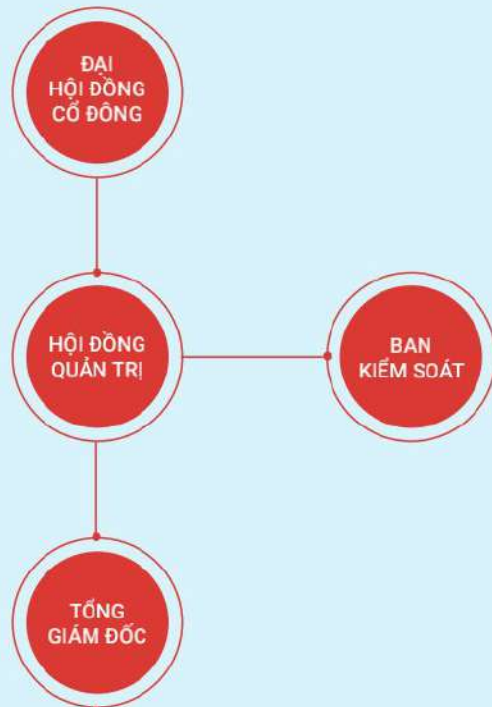


02

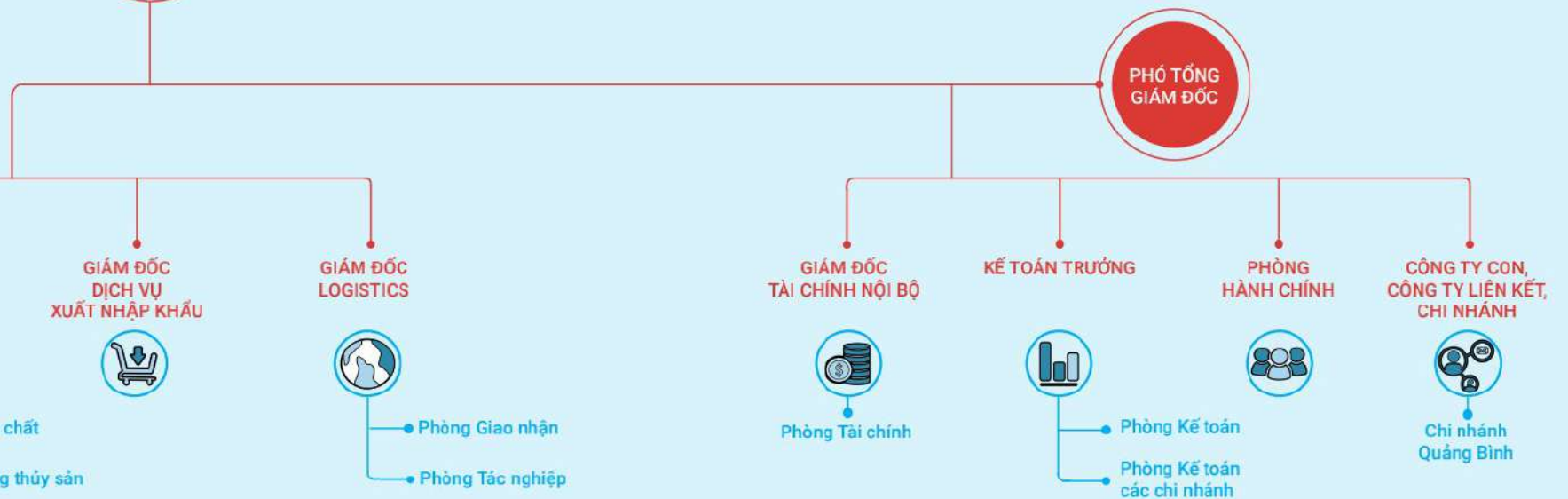
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức và nhân sự

- 20 Mô hình quản trị
- 22 Giới thiệu Hội đồng quản trị
- 24 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 26 Giới thiệu Ban điều hành
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 32 Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



QBS áp dụng mô hình quản trị theo Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (ban hành ngày 17/6/2020) của Quốc hội nước CHXH Việt Nam. Trong đó bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà VŨ THỊ DƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1981

Trình độ: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác:

- 01/2004 - 08/2005: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH BJC
- 12/2005 - 09/2009: Nhân viên Kế toán CTCP Đầu tư và Xây dựng PG
- 11/2010 - 05/2012: Nhân viên Kế toán CTCP Giao nhận Vận tải QT Hải Khánh
- 06/2012 - 02/2013: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận Toàn cầu
- 11/2013 - 03/2018: Nhân viên Kế toán CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
- 04/2018 - 12/2019: Trưởng phòng tài chính CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
- 07/2019 - 07/2022: Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ
- 07/2022 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình



Bà HÀ THỊ MAI HƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1991

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2013 - 2014: Nhân viên chứng từ Công ty TNHH Shipco Transport
- 2014 - 2016: Nhân viên xuất nhập khẩu CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
- 2016 - 04/2018: Phó PKD hóa chất và nông thủy sản CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
- 03/2018 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP 5FOODS
- 04/2018 - 12/2020: Trưởng phòng Kinh doanh 2 CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
- 04/2020 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình



Bà LÊ THỊ THANH HẢI

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1991

Trình độ: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác:

- 2014 - 2016: Kế toán viên Công ty TNHH MTV Hương Tân
- 2017 - 09/2023: Kế toán viên CTCP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn
- 05/2020 - 04/2021: Kế toán trưởng CTCP Thương Mại Dịch vụ và XNK Trần Trang
- 04/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO

Trưởng Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1986

Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

2007 - 2008: Kế toán, Kiểm toán nội bộ CTCP Xuất nhập khẩu Hào Mỹ

2008 - 2011: Nhân viên kinh doanh CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

01/2012 - 4/2014: Kế toán viên CT TNHH Vận tải Hoàng Dương

04/2014 - nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình



Bà NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1981

Trình độ: Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác:

2003 - 2006: Giáo viên tiếng Anh Trường THCS Tân Dương

2006 - 2011: Phiên dịch tiếng Anh CTCP CN Tàu thủy An Đông

2011 - 04/2014: Chuyên viên XNK kiêm Kế toán NXX CTCP XNK Quảng Bình

04/2014 - 06/2018: Chuyên viên XNK kiêm Thành viên BKS CTCP XNK Quảng Bình

06/2018 - nay: Thành viên BKS CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình



Bà TRẦN THỊ THU TRANG

Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1985

Trình độ: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

04/2009 - 03/2010: Kế toán CTCP ĐT&XLTM Cửa hàng xăng dầu 231 Tô Hiệu

09/2010 - 06/2015: Kế toán CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

06/2015 - 10/2015: Phó phòng kế toán CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

01/2016 - 03/2017: Kiểm soát nội bộ CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

3/2017 - nay: Thành viên BKS CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông HOÀNG VĂN HƯNG

Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1982

Trình độ: Cử nhân Công nghệ thông tin

Quá trình công tác:

05/2012 - 12/2020: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn

06/2014 - 12/2020: Giám đốc CTCP Xây dựng và Xuất nhập khẩu Tam Đảo

02/2016 - 06/2017: Trưởng văn phòng đại diện tại Cao Bằng – CTCP XNK Quảng Bình

05/2017 - 10/2017: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Tân Cảng Sài Gòn

06/2017 - 04/2020: PGĐ Dịch vụ Xuất nhập khẩu CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

10/2017 - 12/2020: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú

04/2020 - nay: Tổng Giám đốc CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình



Ông NGUYỄN THANH BÌNH

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1973

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

05/2011 - 05/2013: Nhân viên Kinh doanh CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

05/2013-05/2018: Giám đốc nhà máy NPK Đình Vũ – CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

03/2018 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP 5FOODS

05/2016 - nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đối ngoại CTCP XNK Quảng Bình

05/2017 - 10/2017: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Tân Cảng Sài Gòn

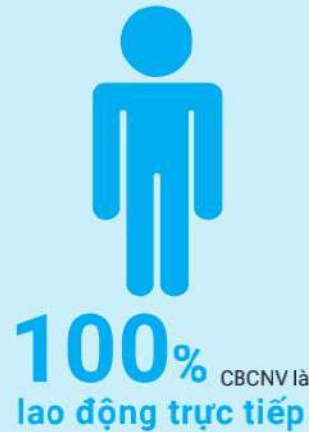
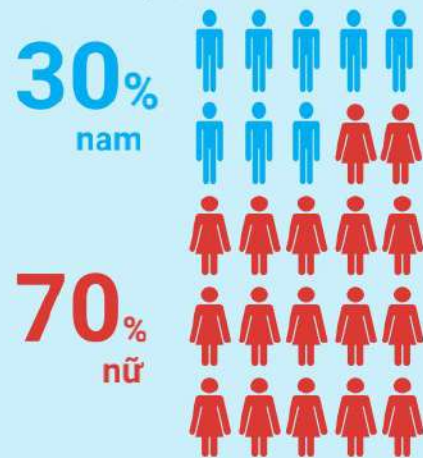
05/2019 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP XNK Hóa chất miền Nam

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

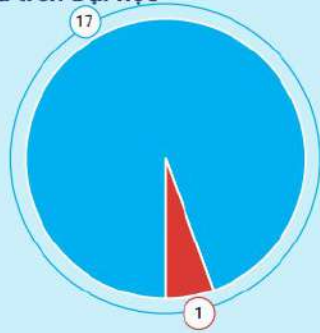
CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tính đến cuối năm 2023, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 18 người, giảm 15% so với cùng kỳ 2022. Trong đó, nguồn lao động có trình độ cao chiếm đa số, là đầu não và bệ đỡ vững chắc của Công ty. Độ tuổi lao động phổ biến là từ 22-35, chiếm hơn một nửa tổng số CBCNV. Sự cân bằng về giới trong số lượng lao động được duy trì tương đối với 13 nữ, 5 nam.

Tỷ lệ nam nữ 2023

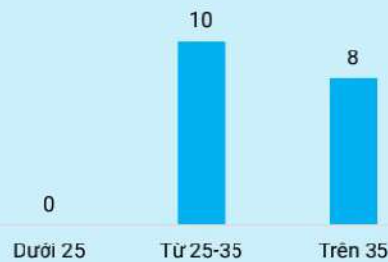


Trình độ Đại học và trên Đại học



Lao động phổ thông

Cơ cấu tuổi



CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Thời gian làm việc: Bộ phận trực tiếp làm việc 5 ngày/tuần (nghỉ Thứ 7, Chủ nhật), 8 giờ/ngày, nghỉ trưa 1,5 giờ. Khi có nhu cầu về làm ngoài giờ để bắt kịp tiến độ kinh doanh thì nhân viên công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và QBS có trách nhiệm đảm bảo quyền lợi của người lao động thỏa đáng.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc và các thiết bị giải trí để có thể đáp ứng tất cả nhu cầu sử dụng của cán bộ công nhân viên.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN DỤNG

Công tác đào tạo: Là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong xây dựng và phát triển nhân lực của QBS. QBS áp dụng chương trình đào tạo đảm bảo sự hội nhập quốc tế, nghiệp vụ chuyên nghiệp giúp nâng cao tay nghề cũng như áp dụng công nghệ mới vào hoạt động kinh doanh. QBS chú trọng huấn luyện đào tạo trực tiếp qua công việc. Cấp trên đào tạo cấp dưới, Chuyên viên cấp cao đào tạo cấp thấp hơn. QBS cũng thúc đẩy luân chuyển nhân sự nội bộ để đào tạo qua công việc thực tế, bao gồm: đào tạo bên ngoài và nội bộ với nội dung chuyên sâu về quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên mở các buổi hội thảo chuyên đề có thực hành tại các phòng ban. Với những chương trình đào tạo bên ngoài, công ty hỗ trợ học phí cho người lao động để thúc đẩy việc tự học ở cán bộ công nhân viên.

Công tác tuyển dụng: QBS thực hiện tuyển dụng theo kế hoạch hàng năm và theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn. QBS công khai, minh bạch, thông báo rộng rãi quy trình tuyển dụng trên các phương tiện truyền thông đại chúng.



Công ty tổ chức lễ 8/3 cho CBCNV nữ



Trụ sở chính của Công ty tại Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng



CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Chính sách lương: Người lao động được trả lương theo hiệu quả công việc tương ứng với vị trí/chức danh được phân công. QBS đảm bảo thu nhập của cán bộ công nhân viên cạnh tranh và tương ứng với các đơn vị cùng ngành nghề, cùng khu vực trong từng thời điểm. Lương thu nhập của cán bộ công nhân viên bao gồm lương cơ bản và các loại phụ cấp lương tương ứng với hiệu quả lao động và trách nhiệm công việc.

Chính sách thưởng: Công ty có chính sách tính thưởng cho người lao động căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và đánh giá xếp loại KPI của từng cá nhân. Ngoài ra, QBS cũng có chính sách khen thưởng đột xuất cho các nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến được áp dụng, mang lại hiệu quả cho Công ty.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật, QBS còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như: Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ hậu sản; khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của người lao động; hỗ trợ thêm các trường hợp hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức tham quan nghỉ mát và các hoạt động văn thể mỹ; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần...

CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

VỐN CỔ PHẦN

Tại ngày 31/12/2023, cơ cấu vốn và cổ đông của Công ty ghi nhận số liệu như sau:

- Vốn điều lệ: 693.299.280.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 69.329.928 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Ngày bắt đầu giao dịch: 13/11/2014
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 69.329.928 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 29/03/2024

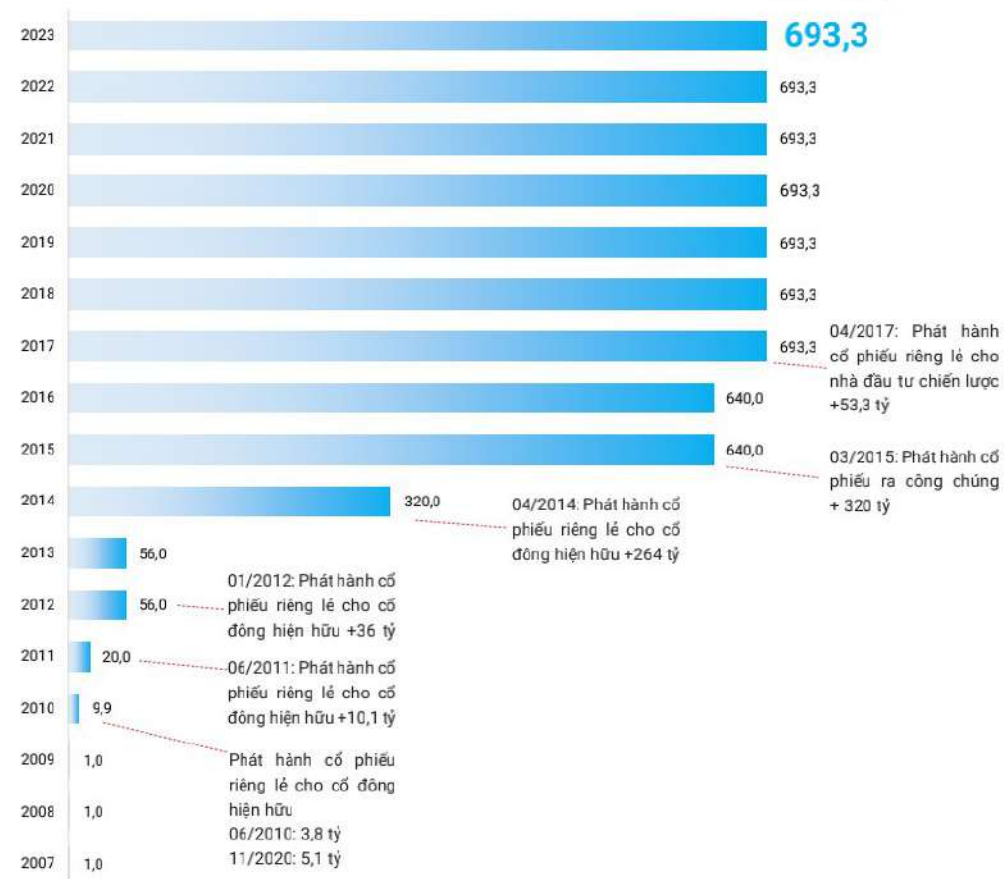
TT	Đối tượng	Số lượng	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu /Vốn điều lệ
	Cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
1	Cổ đông khác	6.678	69.329.928	100,00%
	Tổng cộng	6.678	69.329.928	100,00%
	Cổ đông lớn	1	9.200.579	13,27%
2	Cổ đông nhỏ	6.677	60.129.349	86,73%
	Tổng cộng	6.678	69.329.928	100,00%
	Cổ đông tổ chức	15	69.134.936	99,72%
3	Cổ đông cá nhân	6.663	194.072	0,28%
	Tổng cộng	6.678	69.329.928	100,00%
	Cổ đông trong nước	6.677	69.329.858	100,00%
4	Cổ đông nước ngoài	1	70	0,00%
	Tổng cộng	6.678	69.329.928	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu /Vốn điều lệ
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	9.200.579	13,27%

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

ĐVT: Tỷ đồng





03

Báo cáo hoạt động 2023 và kế hoạch 2024

- 36 Phân tích vĩ mô và ngành 2023
- 42 Tình hình hoạt động kinh doanh
- 43 Tình hình tài chính
- 48 Báo cáo của Ban Điều hành
- 52 Báo cáo của HĐQT

PHÂN TÍCH VĨ MÔ VÀ NGÀNH NĂM 2023

THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN THẾ GIỚI

Thị trường phân bón thế giới trong năm qua đã ghi nhận nhiều sự biến động về sản lượng cũng như giá cả. Từ đầu tháng 9, một số doanh nghiệp sản xuất phân bón lớn tại Trung Quốc đã dừng ký kết hợp đồng xuất khẩu mới theo yêu cầu của Chính Phủ, tuy nhiên hạn chế chỉ áp đặt cho phân urê. Điều này tác động không nhỏ đến thị trường phân bón thế giới, trong bối cảnh Trung Quốc là đất nước sản xuất và tiêu thụ phân urê hàng đầu thế giới, với các đối tác xuất khẩu lớn như Ấn Độ, Hàn Quốc, Australia. Việc hạn chế xuất khẩu urê khiến nguồn cung bị thắt chặt. Ngoài Trung Quốc, Morocco - quốc gia sở hữu 70% sản lượng đá phốt pho thế giới, đã ghi nhận một biến cố thiên tai vào ngày 8/9, khiến nguồn cung về phân bón trong ngắn hạn gặp khó khăn. Thêm vào đó, xung đột giao tranh tại khu vực Trung Đông hay căng thẳng leo thang tại Biển Đen cũng như nhu cầu sử dụng phân bón tại Ấn Độ hay Ai Cập đều tăng mạnh là những nguyên nhân đẩy giá phân bón trên thị trường tăng cao.

THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN TRONG NƯỚC

Trong năm 2023, thị trường phân bón tại Việt Nam đã có nhiều biến động và thách thức do ảnh hưởng của các yếu tố quốc tế. Tình hình chiến sự giữa Nga - Ukraine tiếp tục làm giá của phân bón leo thang, trong khi căng thẳng leo thang tại Biển Đỏ đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng, khiến cho việc xuất nhập khẩu phân bón tại nước ta gặp nhiều khó khăn. Sản lượng sản xuất và xuất nhập khẩu đều giảm so với năm 2022, trong khi giá phân bón đã điều chỉnh so với đỉnh của năm trước dù vẫn ở mức cao hơn so với trước khi đại dịch Covid-19 bùng nổ.

HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG

Về tình hình xuất nhập khẩu, phần lớn thời gian 2023 vừa qua, các doanh nghiệp vận tải biển đều phải đối mặt với thị trường kinh doanh diễn biến khó lường. Nhiều tàu lớn phải cắt giảm hoặc cơ cấu tuyến chuyển. Một phần lý do xuất phát từ căng thẳng leo thang tại Biển Đỏ ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, tới những tháng cuối năm 2023, các hoạt động tại cảng biển lại trở nên nhộn nhịp và bận rộn hơn, việc phục vụ cho nhu cầu vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu chuẩn bị cho dịp Tết đã giúp các công ty vận tải biển đón nhận những sự cải thiện về kết quả kinh doanh.

Diễn biến cung, cầu phân bón

Trong năm 2023, tổng công suất thiết kế sản xuất phân bón của cả nước đạt khoảng 20,7 triệu tấn, bao gồm 16,1 triệu tấn phân bón vô cơ, hữu cơ là 4,6 triệu và nhập khẩu khoảng 3-4 triệu. Công suất tiêu thụ của phân bón là 10,4 triệu tấn/năm, trong khi tiêu thụ phân bón vô cơ là 7,6 triệu tấn/năm. Theo quy luật, nhu cầu tiêu thụ phân đạm urê trong nước thường có xu hướng tăng mạnh vào cuối tháng 11, nửa đầu tháng 12. Đây là thời điểm Đồng bằng Sông Cửu Long bước vào cao điểm vụ Đông Xuân, chiếm tỷ trọng sử dụng phân bón nhiều nhất cả nước với hơn 1 tấn/ha.

Tình hình xuất nhập khẩu phân bón

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tính chung cả năm 2023, lượng phân bón nhập khẩu của cả nước đạt gần 4,12 triệu tấn, trị giá trên 1,41 tỷ USD, tăng 21,3% về lượng, nhưng giảm 12,8% về kim ngạch. Giá trung bình nhập phân bón trong năm qua đạt 342,9 USD/tấn, giảm 28% so với năm 2022. Trung Quốc vẫn đứng đầu về thị trường cung cấp phân bón cho Việt Nam, chiếm gần 50% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước, đạt 2,4 triệu tấn, tương đương 662,46 triệu USD, tăng 19% về lượng, nhưng giảm 9,3% về kim ngạch. Tiếp đến thị trường Nga đứng thứ 2, chiếm 7% trong tổng lượng và chiếm 9,4% trong tổng kim ngạch, với 288.727 tấn, tương đương 132,12 triệu USD, tăng 2,5% về lượng, nhưng giảm 35% về kim ngạch so với năm 2022. Nhập khẩu phân bón từ thị trường Đông Nam Á đạt 470.755 tấn, tương đương 168,25 triệu USD, tăng 80,8% về lượng,

Để chuẩn bị đủ cho nguồn cung đáp ứng nhu cầu cho cao điểm, 4 doanh nghiệp lớn sản xuất phân urê bao gồm Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau, Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình, CTCP Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc đã ghi nhận sản lượng urê trong tháng 10 đạt 195 nghìn tấn, tháng 11 đạt 190 nghìn tấn, tháng 12 rơi vào khoảng 200 nghìn tấn. Trong đó, tổng lượng nhập khẩu phân ure tháng 9 đạt 45 nghìn tấn, tháng 10 đạt 46 nghìn tấn, tháng 11 rơi vào khoảng 30 nghìn tấn, giảm hơn 30% so với tháng trước đó.

tăng 6,5% kim ngạch so với cùng kỳ, chiếm 11,4% trong tổng lượng và chiếm 11,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu phân bón của cả nước.

5 tháng đầu năm 2023, tổng sản lượng và kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đều ghi nhận sự sụt giảm. Campuchia là thị trường xuất khẩu phân bón lớn nhất của Việt Nam với 438.704 tấn, tăng 16,9% so với cùng kỳ năm trước. Riêng thị trường này đã chiếm trên 36% trong tổng khối lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Đứng sau là Malaysia với 74.131 tấn, giảm 35% so với cùng kỳ năm ngoái; Hàn Quốc với 50.520 tấn, giảm 40% YoY. Cũng trong khối ASEAN, Việt Nam còn xuất khẩu sang Myanmar với 32.601 tấn phân bón, giảm 39% YoY; Philippines với 48.101 tấn, giảm 32%; Thái Lan với 16.151 tấn, giảm 36%; Lào với 38.906 tấn, giảm 11%.

Diễn biến giá phân bón trong nước

Giá phân bón trong năm có xu hướng giảm sâu sau khi chạm các mức đỉnh vào năm 2022. Sự sụt giảm này có nguyên nhân tới từ nhu cầu xuất khẩu bị chững lại, nhu cầu tiêu dùng giảm, nguồn cung ổn định và hàng tồn kho vẫn còn nhiều. Ngoài ra, giá nguyên liệu như than, dầu, giảm cũng góp phần làm giảm áp lực chi phí sản xuất. Tuy nhiên, xu thế chung giá phân bón vẫn đang ở mức cao vì các chi phí sản xuất và nguyên liệu còn tương đối cao, nguồn cung thế giới biến động khó lường.

Tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước

Ở mảng Urea, tổng công suất nhà máy sản xuất cả nước ở mức 2,66 triệu tấn/năm, nhưng thị phần trong tay 4 doanh nghiệp là Đạm Cà Mau, Đạm Phú Mỹ, Đạm Ninh Bình và Đạm Hà Bắc. Đáng chú ý, doanh thu và lợi nhuận mảng Urea tập trung chính ở hai doanh nghiệp DPM và DCM nhờ ưu thế vượt trội về biên lợi nhuận, hệ thống phân phối và thương hiệu.

Với mảng NPK, tổng công suất nhà máy sản xuất ở mức trên 3,7 triệu tấn/năm. Thị trường NPK tại Việt Nam phân mảnh với rất nhiều doanh nghiệp tham gia. Bình Điền đang là doanh nghiệp có thị phần tiêu thụ NPK lớn nhất vào khoảng 15%.

Mảng DAP đang có tổng công suất sản xuất vào khoảng gần 1 triệu tấn/năm. Thị trường phân mảnh. Các doanh nghiệp thị phần lớn bao gồm: DAP – Vinachem, Apromaco và Hà Anh. Mảng Phân lân có công suất ở mức 1,2 triệu tấn, ngoài ra thị trường phân mảnh với top thị phần lớn là Apromaco, Hà Anh & Văn Điển.

Tổng doanh thu thuần 9 tháng năm 2023 của các doanh nghiệp phân bón như DPM, DCM, BFC ghi nhận mức giảm 19% doanh thu và giảm đến 94% về lợi nhuận sau thuế. Theo báo

Giai đoạn 2020 - 05/2022 là giai đoạn ghi nhận sự tăng giá vượt trội và tạo đỉnh của các loại phân bón, nguyên nhân chính là cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine làm ảnh hưởng tới nguồn cung xuất khẩu của phân bón. Giá Urê ghi nhận tạo đỉnh trên 18.000đ/kg, phân DAP trên 22.000đ/kg, phân Kali trên 19.000đ/kg. Tuy nhiên, ngay sau giai đoạn đấy là một xu hướng giảm giảm giá mạnh từ tháng 06/2022 tới cuối năm 2023. Sự áp lực giảm mạnh tới từ giá nguyên liệu đầu vào giảm, cũng như một số quốc gia xuất khẩu phân bón trở lại.

cáo tài chính được công bố, lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2023 của DPM đạt 436 tỷ đồng, giảm 90% so với cùng kỳ năm 2022, vốn là một năm đặc biệt. Tuy nhiên, mức lợi nhuận này lại trở về đúng "quỹ đạo" của doanh nghiệp khi DPM ghi nhận mức lợi nhuận sau thuế cùng kỳ tháng 9 bình quân 3 năm 2017, 2018, 2019 là 439 tỷ đồng. Tương tự như vậy, lợi nhuận sau thuế của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC, mã chứng khoán DCM) trong 9 tháng qua đạt 610 tỷ đồng, giảm khoảng 80% so với cùng kỳ năm 2022. Điều này phản ánh mức độ khó khăn của thị trường chung khi giá phân bón thế giới giảm mạnh, trong khi điều kiện chi phí đầu vào lại duy trì ở mức cao khiến suy giảm lợi nhuận ở cả ngành phân bón.

Mức lợi nhuận của 2 doanh nghiệp lớn kia trở về mức bình ổn là tín hiệu tốt cho mối quan hệ giữa doanh nghiệp và nông dân, giúp tăng niềm tin và lợi ích hài hòa. Với nông dân, họ sẽ tiết kiệm được chi phí vật tư phân bón, nâng cao hiệu quả sản xuất, còn với doanh nghiệp, họ sẽ duy trì được sự ổn định kinh doanh trong bối cảnh kinh tế biến động.

DỰ BÁO HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN BÓN NĂM 2024

Giá phân bón đang được kỳ vọng sẽ tạo đáy vào tháng 06/2024. Nhờ Nga và Trung Quốc kéo dài thời gian hạn chế xuất khẩu phân bón sẽ giúp cho giá phân bón bước vào chu kỳ phục hồi. Ngoài ra, Chính phủ Ai Cập đã quyết định gia hạn vô thời hạn việc cắt giảm 30% nguồn cung khí đốt với tất cả các nhà sản xuất urê của nước này. Hiệp hội Phân bón thế giới (IFA) và NUE cùng dự báo tăng trưởng sản lượng phân bón toàn cầu tăng 1,8% cho năm 2024, sau khi kỳ vọng khoảng 4% trong năm 2023.

Xét rủi ro tỷ giá, nhóm doanh nghiệp phân bón ít chịu áp lực vì dư nợ vay USD thấp. Thay vào đó, yếu tố giá urê trong nước và xuất khẩu có ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Giá urê nội địa được nhận định sẽ có biến động tương quan với giá thế giới.

Việc thiếu nguồn cung, tăng giá phân bón toàn cầu có thể ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường và hoạt động sản xuất trong nước do đa số nguồn phân bón sử dụng nước ta là nhập khẩu từ bên ngoài. Các ban ngành, cơ quan đang đưa ra nhiều phương án để tăng cường sản xuất trong nước, đảm bảo nguồn cung và giữ vững bình ổn giá cả.

Kim ngạch xuất nhập khẩu nói chung được dự đoán sẽ giữ đà tăng cùng với đà phục hồi cầu tiêu dùng từ Mỹ và châu Âu. Đặc biệt giá cước vận tải và thuê tàu được đánh giá sẽ phục hồi từ cuối năm 2023 và trong năm 2024. Giá cước vận tải đã về mức nền thấp so với giai đoạn trước Covid-19, cũng như nhu cầu vận chuyển hàng hóa toàn cầu đang phục hồi khi nền kinh tế đang dần hồi phục và lạm phát hạ nhiệt. Các yếu tố thuận lợi về bối cảnh nhu cầu tăng, nguồn cung tàu không tăng, giá cước cải thiện sẽ giúp cho các doanh nghiệp vận tải biển ghi nhận những sự bứt phá lợi nhuận trong năm 2024.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2022	Năm 2023	% thay đổi
Doanh thu thuần	359.357	453.289	26,14%
Giá vốn hàng bán	359.170	451.052	25,58%
Lợi nhuận gộp	187	2.237	1.097,03%
Doanh thu hoạt động tài chính	349	498	42,68%
Chi phí tài chính	(39.876)	(153)	-99,62%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	21.509	100	-99,54%
Chi phí bán hàng	1.057	54	-94,87%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	139.228	72.743	-47,75%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(99.873)	(69.910)	30,00%
Lợi nhuận trước thuế	(138.700)	(41.033)	70,41%
Lợi nhuận sau thuế	(138.700)	(41.033)	70,41%

Tính chung cả năm 2022, doanh thu thuần của công ty đạt 453.289 triệu, tăng 26% so với năm 2022. Mặc dù giá vốn hàng bán tăng đáng kể ở mức 26%, nhưng lợi nhuận gộp ghi nhận sức tăng mạnh, chạm mốc 2.237 triệu đồng, tương đương với tăng 1.099% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận những mức giảm lớn.

Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp ghi nhận con số âm ở mức -41.033 triệu đồng trước những nỗ lực cắt giảm chi phí của doanh nghiệp. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế năm 2023 đã tăng trưởng 70% so với cùng kỳ năm 2022, cho thấy tín hiệu tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhà đầu tư có thể tin tưởng hơn về khả năng “đào chiều” lợi nhuận của công ty trong năm 2024.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Tổng tài sản QBS 2023

473.935 triệu đồng

Doanh thu QBS 2023

453.289 triệu đồng

Tăng trưởng doanh thu QBS

26,14 % so với năm 2022

Lợi nhuận sau thuế 2023

(41.033) triệu đồng

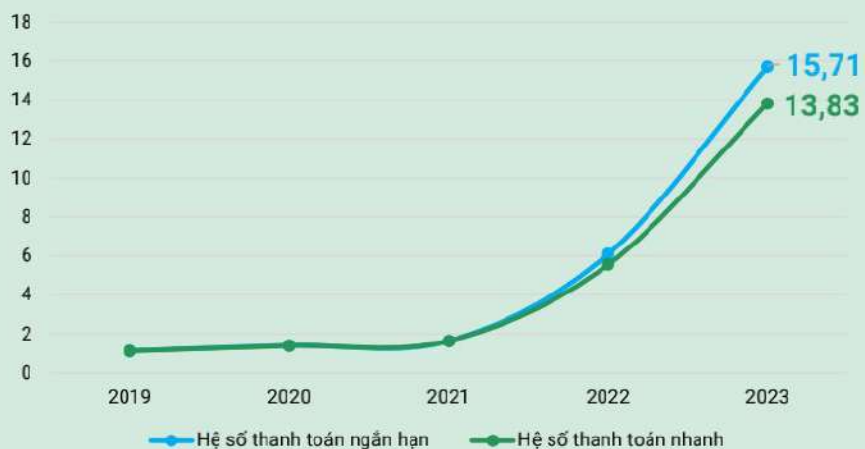
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế

70,42 % so với năm 2022

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,12	1,40	1,63	6,10	15,71
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,11	1,37	1,63	5,55	13,83
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	54%	49%	51%	16%	6%
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	116%	98%	104%	19%	7%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	31,02	92,12	171,53	14,17	8,56
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,82	0,87	1,23	0,39	0,86
Vòng quay khoản phải thu	vòng	1,82	1,75	2,19	0,58	0,81
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Biên lợi nhuận ròng	%	-12,10%	-8,08%	0,01%	-38,60%	-9,05%
Biên lợi nhuận gộp	%	1,21%	-1,62%	2,51%	0,05%	0,49%
ROE	%	-21,56%	-14,57%	0,02%	-25,14%	-9,23%
ROA	%	-9,90%	-7,02%	0,01%	-15,06%	-8,66%

NHÓM CHỈ SỐ THANH TOÁN

Chỉ số về khả năng thanh toán của công ty tăng đột biến trong năm 2023. Về hệ số thanh toán ngắn hạn, công ty đã ghi nhận mức 17,51, tăng khoảng 2,5 lần so với năm 2022 và tăng gấp 16 lần so với khoảng thời gian 2018 - 2021. Hệ số thanh toán nhanh của công ty cũng chạm mốc 13,83, tăng 2,5 lần so với năm 2022 và tăng gấp 12 lần so với khoảng thời gian 2018 - 2021. Nhóm chỉ số thanh khoản ghi nhận mức tăng đột biến do nợ ngắn hạn giảm mạnh (giảm 68% so với cùng kỳ) trong khi tài sản ngắn hạn giảm ở mức không quá lớn như nợ ngắn hạn (giảm 18% so với cùng kỳ). Nhóm chỉ số thanh khoản luôn lớn hơn 1 và tăng hàng năm cho thấy công ty luôn nỗ lực đảm bảo khả năng trả nợ ngắn hạn cũng như hạn chế rủi ro thanh khoản.

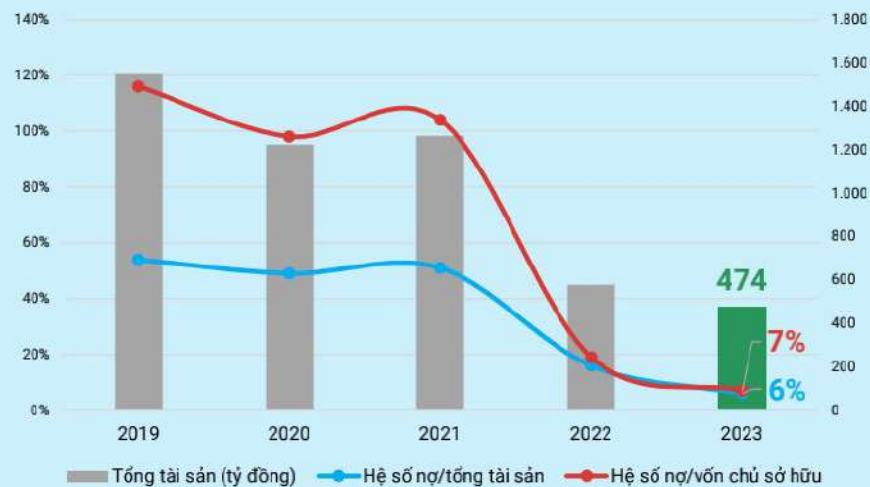


NHÓM CHỈ SỐ CƠ CẤU VỐN

Năm 2023, công ty tiếp tục ghi nhận vốn chủ sở hữu chiếm phần chủ đạo trong cơ cấu nguồn vốn của công ty, kể từ mức giảm lớn về tỷ trọng nợ vào năm 2022 trong những nỗ lực đảm bảo sức khỏe tài chính lành mạnh trước tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn.

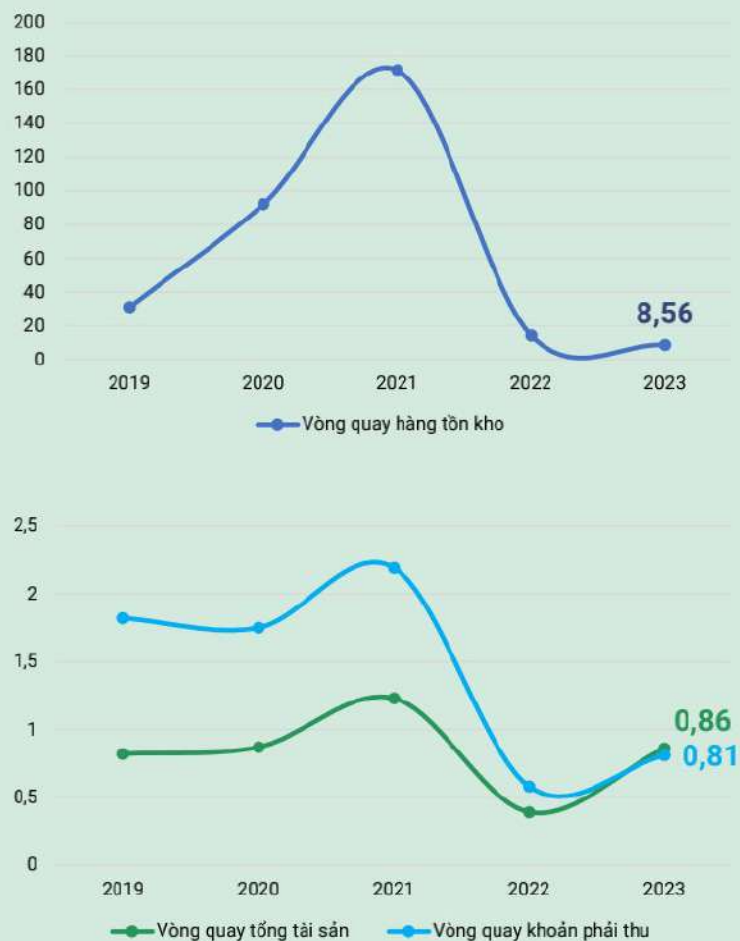
Trong khoảng thời gian 2018 - 2021, nợ ngắn hạn vẫn chiếm phần nửa trong cơ cấu nguồn vốn của công ty. Nhưng kể từ năm 2022, tỷ trọng nợ giảm mạnh. Năm 2023 ghi nhận cột mốc thấp nhất trong 6 năm trở lại, ở mức 6% bởi việc công ty đã xóa khoản nợ tại Ngân hàng Agribank.

Vốn chủ sở hữu năm 2023 biến động không đáng kể công với việc nợ phải trả giảm mạnh giúp hệ số nợ/vốn chủ sở hữu chạm mức 7%, cũng là mức thấp nhất kể từ năm 2018.



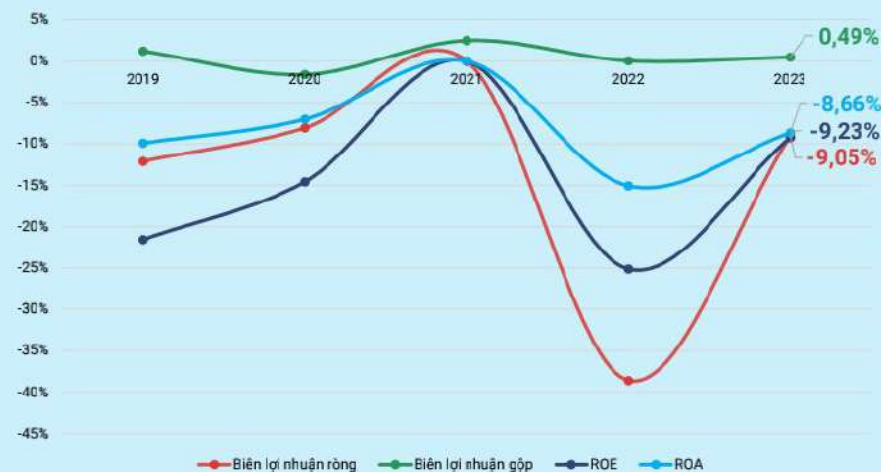
NHÓM CHỈ SỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động giữ ở mức ổn định trong năm 2023. Vòng quay tổng tài sản và vòng quay khoản phải thu đều tăng, lần lượt chạm mức 0,86 lần và 0,81 lần. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang tích cực trong việc sử dụng vốn hiệu quả. Trong khi đó, vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp chỉ ở mức 8,56. Điều này chỉ ra rằng doanh nghiệp cần nỗ lực hơn trong việc thúc đẩy bán hàng và tiêu thụ sản phẩm.



NHÓM CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của công ty được cải thiện đáng kể trong năm 2023. Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp vẫn ghi nhận ở mức âm đã dần theo các hệ số liên quan bao gồm biên lợi nhuận ròng, ROE, ROA dừng ở mức âm. Tuy nhiên, các chỉ số trên vẫn ghi nhận mức tăng đáng kể so với mức nền thấp vào năm 2022 và dự đoán trong tương lai sẽ trở lại mức dương nhờ những chiến lược kinh doanh mới và có nhiều thay đổi của công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2023 tiếp tục là một năm đầy biến động khi thế giới liên tục chứng kiến sự đảo cực về kinh tế cũng như chính trị, dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Không nằm ngoài vùng ngắm, nền kinh tế Việt Nam cũng phải đón nhận tác động tiêu cực từ những chuyển biến nhanh chóng và khó lường của tình hình vĩ mô thế giới, làm cho việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.

Trước những thử thách đó, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự đoàn kết, chia sẻ của tập thể cán bộ công nhân viên, cùng với nỗ lực tái cấu trúc lại cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Công ty năm qua đã ghi nhận nhiều kết quả đáng khích lệ.

NHẬN XÉT CHUNG

Ngành kinh doanh phân bón của Công ty đang trên đà phục hồi và tăng trưởng trở lại, tuy nhiên, mảng hóa chất của Công ty không đạt hiệu quả.

Đối với ngành phân bón

Thị trường phân bón thế giới năm 2023 khá biến động. Nửa đầu năm 2023 giá Ure sụt giảm và duy trì ở mức thấp do các nhà sản xuất ở châu Âu mở rộng sản xuất nhờ giá nguyên, nhiên liệu đầu vào giảm khi nguồn khí đốt tự nhiên tăng lên và nhập khẩu LNG dồi dào. Bên cạnh đó, nguồn cung có xu hướng gia tăng trở lại sau khi Trung Quốc bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu cũng ảnh hưởng đến diễn biến giá các loại phân bón. Từ đầu tháng 7/2023 giá phân Ure bắt đầu hồi phục. Đặc biệt, tháng 9/2023, Trung Quốc thắt chặt việc xuất khẩu phân bón, Nga bắt đầu có những động thái chọn lọc thị trường cung cấp phân bón của mình, giá phân bón thế giới tiếp tục theo chiều hướng tăng. Đồng thời với đó, giá phân bón trong nước cũng tăng theo.

Bên cạnh đó, khí hậu năm 2023 tuy chịu ảnh hưởng bởi hiện tượng El Nino nhưng nhìn chung tình hình sản xuất nông nghiệp khá thuận lợi, các mặt hàng nông sản chủ lực ngày càng được ưa chuộng và đều được giá trên thị trường thế giới. Điều này dẫn đến nhu cầu về vật tư nông nghiệp tăng cao, đặc biệt là phân bón.

Trong tình hình đó, Công ty đã kịp thời nắm bắt thị trường, cung ứng các sản phẩm phân bón chất lượng cao đến bà con thông qua mạng lưới đối tác, khách hàng, đại lý thân thiết.

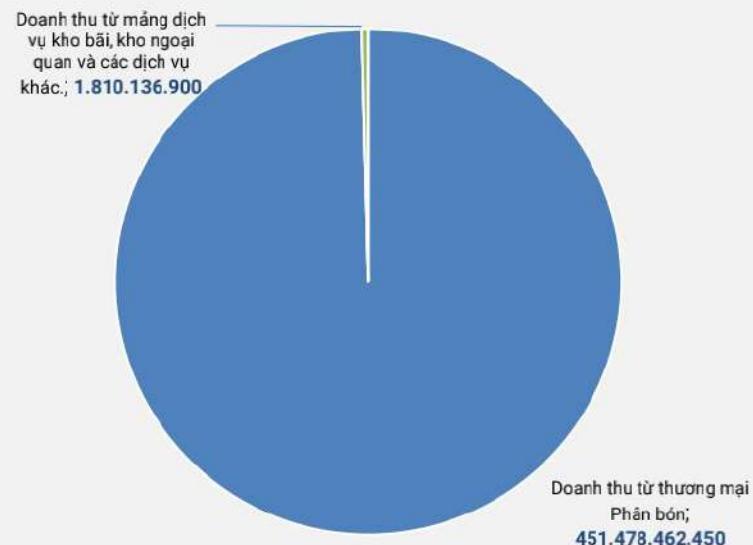
Đối với ngành hàng hóa chất

Do ảnh hưởng chung sau đại dịch, nguồn hàng cung cấp trong nước khó cạnh tranh với nguồn hàng nước ngoài, cũng như các nhà máy sản xuất phân bón trong nước gặp khó khăn khi mua dự trữ nguyên liệu lúc giá cao, khiến giá thành sản xuất phân bón cao, việc bán hàng của các nhà máy sản xuất phân bón lớn trong nước chậm lại, hơn nữa, việc thiếu hụt nguyên liệu quặng trong nước khiến việc sản xuất phân bón ngừng trệ gần nửa năm 2023, nên công ty chưa thể đẩy mạnh thương mại mặt hàng hóa chất.

Kho bãi và các dịch vụ khác

Năm 2023 tiếp tục ghi nhận doanh thu từ mảng cho thuê kho bãi, do khách hàng cũ chưa đầy được khối lượng hàng tồn từ những năm trước, nhu cầu sử dụng kho vẫn còn nhưng giảm.

Cơ cấu doanh thu theo mảng của QBS năm 2023



KẾT QUẢ KINH DOANH CẢ NĂM CỦA QBS

- Doanh thu thuần năm 2023 đạt **453 tỷ đồng** (tăng **26,18%** so với 2022), hoàn thành **113,25%** kế hoạch cả năm.
- Lợi nhuận sau thuế đạt **-41 tỷ đồng** (tăng **70,42%** so với 2022), chưa hoàn thành kế hoạch năm. Trong năm 2023, công ty tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh cũng như đơn đốc thu hồi các khoản công nợ phải thu khách hàng và đã hoàn thành nghĩa vụ chi trả các khoản gốc và lãi vay đối với ngân hàng và các nhà cung cấp trước đó.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Thực hiện/Kế hoạch
Doanh thu	Tỷ đồng	400,00 - 600,00	453,00	113,25%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,00	(41,00)	-920,00%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,00	(41,00)	-1.125,00%
Cổ tức	%	Tùy theo tình hình thực tế	0	0

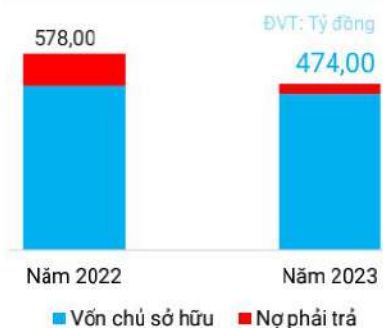
TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% Tăng trưởng
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	561,00	97,06%	462,00	97,58%	-17,63%
Tài sản dài hạn	17,00	2,94%	12,00	2,42%	-32,44%
Tổng tài sản	578,00	100,00%	474,00	100,00%	-18,07%



Tình hình tài sản của Công ty có biến động nhẹ trong năm 2023. Trong đó, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đều có biến động giảm lần lượt là -17,63% và -32,44%, dẫn đến tổng tài sản giảm -18,07%. Các khoản mục đáng chú ý trong tài sản bao gồm: Trả trước cho người bán ngắn hạn (-37% yoy), Đầu tư tài chính dài hạn (-100% yoy), dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (+47% yoy).

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% Tăng trưởng
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Vốn chủ sở hữu	486,00	83,93%	445,00	93,79%	-8,45%
Nợ phải trả	93,00	16,07%	29,00	6,21%	-68,32%
Tổng nguồn vốn	578,00	100,00%	474,00	100,00%	-18,07%



Về phía nguồn vốn, trong khi vốn chủ sở hữu có sự giảm nhẹ thì nợ phải trả ghi nhận sự sụt giảm lớn -68,32%. Điều này cũng dẫn đến sự nhỏ lại của nợ phải trả trong cơ cấu nguồn vốn, kể từ sự giảm mạnh vào năm 2022.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Mảng phân bón

- (i) Tiếp tục tìm kiếm, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của năm, tăng cường công tác phối hợp với các đối tác, đại lý và đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa.
- (ii) Công ty tăng cường các giải pháp tiết giảm chi phí, giải pháp về thị trường, mở rộng thị trường quốc tế. Đề xuất, triển khai chính sách bán hàng với số lượng lớn, hỗ trợ vận chuyển linh hoạt tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm.
- (iii) Tiếp tục tìm kiếm cơ hội kết nối đến các khách hàng có nhu cầu để trở lại tăng trưởng bán hàng lưu huỳnh và axit sulphuric trong thị trường nội địa. Dự kiến kế hoạch để ra nhập khẩu 10.000 tấn trong năm 2024.
- (iv) Bám sát tình hình thị trường, thời tiết, mùa vụ xây dựng chương trình hỗ trợ bán hàng đúng thời điểm, hiệu quả tối ưu các nguồn kinh phí.

Một số vấn đề khác

- (i) Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, dòng tiền để chống việc rủi ro liên quan đến các vấn đề tài chính, nợ xấu.
- (ii) Khuyến khích việc đưa ra các sáng kiến, ý tưởng, dự án nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao được hiệu quả công việc.
- (iii) Liên tục cập nhật và xây dựng các chính sách nhằm giữ nhân lực chủ chốt và hấp dẫn thu hút nguồn nhân lực.
- (iv) Chủ động, linh hoạt thích ứng trong xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn lực, tổ chức thực hiện, quản trị quá trình thực hiện.

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty đã cải tiến quy trình quản trị tài chính – kế toán bằng cách đưa phần mềm Vietsun do VCCI - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cung cấp đi vào hoạt động. Phần mềm cho thấy nhiều ưu điểm nổi bật như: dễ dàng sử dụng trong thực tế, chi phí vận hành thấp, đáp ứng được nhu cầu quản trị của Công ty và hướng đến mục tiêu áp dụng công nghệ thông tin vào từng hoạt động của doanh nghiệp.



CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2023
Doanh thu	Tỷ đồng	150,00 - 200,00
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,8 - 0,6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban điều hành được thực hiện khẩn trương và nghiêm túc đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Hoạt động giám của HĐQT đối với Ban điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như:

- Tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, thông qua các báo cáo, tờ trình của Tổng Giám đốc.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ của Ban điều hành, là cơ sở để đưa ra những ý kiến chỉ đạo kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc thực thi Nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết của HĐQT.
- Kiểm tra công tác tài chính, kế toán, giám sát tính tuân thủ của Ban điều hành.
- Giám sát việc công bố thông tin và nộp các báo cáo theo quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước.

Thông qua hoạt động giám sát, HĐQT cho rằng Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo, triển khai hoạt động điều hành đầy đủ, kịp thời các định hướng của HĐQT. Ban điều hành đã thực hiện đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; báo cáo đầy đủ, kịp thời đến HĐQT về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ theo định kỳ và khi có yêu cầu.

Trong năm 2023, tuy Công ty chịu ảnh hưởng tiêu cực từ những yếu tố khách quan từ bên ngoài, dưới sự lãnh đạo khẩn trương của HĐQT và sự phối hợp thực hiện nghiêm túc, nhất quán định hướng HĐQT của Ban điều hành, CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã vượt qua được khó khăn và đạt được những thành tựu đáng kể, được thể hiện rõ ràng nhất ở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Trên cơ sở dự báo môi trường kinh tế kinh doanh năm 2024 và đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển của năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đưa ra phương hướng hoạt động cụ thể như sau:

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa sâu, quản lý chuyên nghiệp, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.
- Kiểm soát chặt chẽ trong quản lý chất lượng, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết được các vấn đề vướng mắc cũng như thúc đẩy các hoạt động kinh doanh trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Giám Đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2024.
- Tiếp tục cùng Ban giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng mạng lưới khách hàng, kinh doanh bền vững.
- Đối với vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự của Công ty.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Công ty cam kết là doanh nghiệp tiên phong trong việc phát triển xanh và bền vững, tiếp tục phụng sự cho sự phát triển của quốc gia.

Bước sang năm 2024, theo dự báo của các tổ chức kinh tế quốc tế, giá phân bón có đà phục hồi khi bước vào quý III năm 2024 cũng như hoạt động ngoại thương tiếp tục đà đi lên mạnh mẽ kể từ quý IV năm 2023, Công ty Xuất nhập khẩu Quảng Bình đưa ra những chỉ tiêu chính cho kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

- Doanh thu thuần: **150-200** tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế **1-2** tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế **0,8-1,6** tỷ đồng.

Công ty quyết tâm vươn lên vị trí hàng đầu trong lĩnh vực phân phối các mặt hàng phân bón Ure, NPK và tiếp tục mở rộng thị phần ở các mặt hàng khác trong nước. Đồng thời, Công ty cũng nỗ lực trong việc phát triển đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nhiệt tình với mục tiêu đạt hàng chục nghìn container mỗi năm.



04

Báo cáo quản trị công ty

- 58 Hội đồng quản trị
- 60 Ban Kiểm soát
- 61 Giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích
- 62 Báo cáo tình hình thực hiện quản trị công ty dựa trên thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám Đốc.

Hội đồng quản trị đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề tài chính, chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Thương mại ABAVIA Việt Nam.

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông để thông qua kết quả kinh doanh năm 2022; phương hướng kế hoạch kinh doanh năm 2023 và 09 buổi họp Hội đồng quản trị nhằm tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty.

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch HĐQT	21/07/2022	09	100%
2	Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	20/04/2020	09	100%
3	Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên HĐQT độc lập	23/04/2021	09	100%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2023

HĐQT đã triệu tập ĐHCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2023 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT.

Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-03/2023/NQ-HĐQT	07/03/2023	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
2	02-03/2023/NQ-HĐQT	22/03/2023	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương mại ABAVIA Việt Nam
3	01-04/2023/NQ-HĐQT	25/04/2023	Thông qua việc thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
4	01-05/2023/NQ-HĐQT	04/05/2023	Thông qua thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 lần thứ 2
5	02-05/2023/NQ-HĐQT	31/05/2023	Thông qua thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 lần thứ 3
6	01-06/2023/NQ-HĐQT	27/06/2023	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023
7	01-07/2023/NQ-HĐQT	12/07/2023	Thông qua chủ trương bán xe ô tô cũ đã qua sử dụng
8	02-07A/2023/NQ-HĐQT	12/07/2023	Thông qua thành lập hội đồng thanh lý xe ô tô
9	02-07B/2023/NQ-HĐQT	12/07/2023	Thông qua việc thanh lý xe ô tô
10	01-11/2023/NQ-HĐQT	15/11/2023	Thông qua việc miễn nhiệm thành viên kiểm toán nội bộ Đỗ Thị Tân

BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng BKS	21/07/2022	03	100%
2	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	20/04/2020	03	100%
3	Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên BKS	23/04/2021	03	100%

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01-02/2023/NQ-BKS	27/2/2023	Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023.
2	01-06/2023/NQ-BKS	30/6/2023	Sơ kết hoạt động nửa đầu năm 2023 và triển khai hoạt động nửa cuối năm 2023 của Ban Kiểm soát.
3	01-12/2023/NQ-BKS	29/12/2023	Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2024.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đối với HĐQT: Đầu năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành họp để phân công nhiệm vụ của từng thành viên và thống nhất kế hoạch kiểm soát hoạt động của công ty. Cùng với đó, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển. Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin theo yêu cầu.

Đối với cổ đông: Trong năm 2023, Ban Kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tham dự 03 cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin theo yêu cầu.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BKS

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/1 người/1 tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	9.000.000
2	Thành viên HĐQT	7.200.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	7.200.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	5.400.000

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU CÔNG TY (không có)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Ghi chú thang điểm:

- (1) Thực hiện tốt thông lệ. (3) Chưa thực hiện theo thông lệ.
 (2) Đã thực hiện một phần nhưng chưa đầy đủ (4) Không xảy ra trường hợp này tại QBS.
 theo thông lệ.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
A. Quyền của Cổ đông			
A.1. Quyền cơ bản của cổ đông			
A.1.1	Công ty có trả cổ tức một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	4	4
A.2. Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty.			
Cổ đông có quyền tham gia			
A.2.1	Sửa đổi Điều lệ, Quy chế công ty	4	4
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	4	4
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	4	4
A.3. Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định hợp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.			

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác), hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ ủy viên HĐQT không điều hành?	1	1
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên Hội đồng quản trị?	1	1
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi Đại hội tiến hành?	1	1
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	1	1
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phân đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	1	1
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	1	1
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	1	1
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	3	3
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	1	1
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	3	3

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	1	1
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	1	1
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	1	1
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	1	1

A.4. Thị trường giao dịch thầu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.

A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	4	4
-------	--	---	---

A.5. Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.

A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	3	3
-------	---	---	---

B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

B.1. Cổ phiếu và quyền biểu quyết

B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	1	1
-------	---	---	---

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý)?	4	4

B.2. Thông báo ĐHĐCĐ

B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	3	3
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?	3	3

Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:

B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	1	1
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	1	1
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	1	1

B.3. Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân.

B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	1	1
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
B.4. Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.			
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	3	3
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	3	3
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	3	3
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó qui định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	4	4
B.5. Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng			
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	4	4
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	4	4
C. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN			
C.1. Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.			
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	3	3

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, quy trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	3	3
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	3	3
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	3	3
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	3	3
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	3	3
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	3	3
C.2. Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.			
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	1	1
C.3. Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng.			
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	1	1
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	1	1
C.4. Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.			
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?	4	4
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi	4	4

D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

D.1. Cấu trúc sở hữu minh bạch

D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các chủ sở hữu nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	1	1
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	1	1
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	1	1
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban điều hành?	1	1
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?	1	1

D.2. Chất lượng của báo cáo thường niên

Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau:

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
D.2.1	Mục tiêu của công ty	1	1
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	1	1
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	1	1
D.2.4	Chính sách cổ tức	1	1
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	1	1
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT	1	1
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	1	1

Tuyên bố Kháng định về Quản trị Công ty

D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố kháng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	1	1
-------	---	---	---

D.3. Công bố Giao dịch bên liên quan (GDBLQ)

D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/ quan trọng?	4	4
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	4	4

D.4. Thành viên/ủy viên HĐQT giao dịch cổ phiếu của công ty

D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty	4	4
-------	---	---	---

D.5. Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán

Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phí kiểm toán

D.5.1	Phí kiểm toán và phí kiểm toán có được công bố công khai?	3	3
-------	---	---	---

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	4	4
D.6. Phương tiện truyền thông			
D.6.1	Báo cáo quý	1	1
D.6.2	Trang thông tin điện tử của công ty	1	1
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	1	1
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hộp báo	4	4
D.7. Nội dung báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn			
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	1	1
D.7.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	1	1
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	1	1
D.8. Trang thông tin điện tử của công ty			
Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quí gần nhất)	1	1
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	4	4
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	1	1
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/ hoặc ĐHCĐ bất thường	1	1
D.8.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	1	1
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	1	1
D.9. Quan hệ nhà đầu tư			

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	1	1
E. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT			
E.1. Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT			
Trách nhiệm của HĐQT và quy chế quản trị công ty được xác định rõ ràng			
E.1.1	Công ty có công bố quy chế quản trị công ty/điều lệ hoạt động của HĐQT?	1	1
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	1	1
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	1	1
Tâm nhin/sứ mệnh của công ty			
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	1	1
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	1	1
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	1	1
E.2. Cơ cấu HĐQT			
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử			
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	4	4
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	4	4
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	4	4
Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị.			

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	3	3
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm ¹ đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	3	3
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	3	3
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	1	1

Tiểu ban nhân sự

E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	4	4
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	4	4
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm ?	4	4

Tiểu ban Thủ lao/ Lương thưởng

E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thủ lao không?	4	4
E.2.14	Tiểu ban Thủ lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	4	4

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thủ lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thủ lao?	4	4
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thủ lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thủ lao có họp tối thiểu hai lần trong năm?	4	4

Tiểu ban Kiểm toán

E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	4	4
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	4	4
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	4	4
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	4	4

E.3. Quy trình HĐQT**Họp và tham dự họp HĐQT**

E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	3	3
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	1	1
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	1	1
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	1	1
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	1	1
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	1	1
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan?	1	1
Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT			
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	1	1
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	1	1
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm 2 một lần? 2Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	1	1
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	1	1
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/ hoặc lãnh đạo cấp cao?	1	1
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deferred bonus)?	1	1
Kiểm toán Nội bộ			
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	1	1
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	1	1
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	3	3
Giám sát rủi ro			
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	1	1
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	1	1
E.3.22	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	1	1
E.4. Nhân sự trong HĐQT			
Chủ tịch HĐQT			
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD?	1	1
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	3	3
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	1	1
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	1	1
Trưởng thành viên HĐQT độc lập			
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	3	3
Kỹ năng và năng lực			
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2022	Năm 2023
E.5. Hiệu quả HĐQT			
Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	1	1
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	1	1
Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/Ban điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/ Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	2	2
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/ Giám đốc Điều hành/ Quản lý chủ chốt?	1	1
Đánh giá HĐQT			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	2	2
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	2	2
Đánh giá tiểu ban HĐQT			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	2	2



05

Báo cáo tác động môi trường và xã hội

- 80 Tâm nhìn bền vững
- 82 Báo cáo tác động môi trường
- 84 Chính sách với người lao động
- 85 Trách nhiệm với cộng đồng

TẦM NHÌN BỀN VỮNG

Với vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực thương mại phân bón và hóa chất, QBS luôn hướng đến mục tiêu là doanh nghiệp tiên phong trong phát triển bền vững. Công ty cam kết cung cấp đến đối tác và khách hàng các sản phẩm chất lượng cao và thân thiện với môi trường nhằm góp phần phát triển nền nông nghiệp Việt Nam và phụng sự đất nước.

Đối với xã hội

QBS đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty không gây tổn hại cho xã hội và cộng đồng bằng việc cung cấp các sản phẩm an toàn và thân thiện với môi trường. Không dừng ở đó, chúng tôi tích cực thực hiện các chương trình phát triển cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của địa phương.

01



02

Đối với người lao động

Người lao động luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu trong chính sách quản lý của QBS. Chúng tôi cam kết thực hiện các quyền cơ bản với người lao động, đồng thời ngăn cấm tất cả hành vi trái pháp luật có thể xảy ra. Chúng tôi cam kết nâng cao chất lượng làm việc của người lao động thông qua các chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, đào tạo... để người lao động an tâm cống hiến cho QBS.



04

Đối với cổ đông và đối tác

Công ty luôn duy trì sự chuyên nghiệp và minh bạch thông tin trong mối quan hệ với các cổ đông. QBS luôn bảo vệ lợi ích cho các cổ đông để đem đến niềm tin cho các nhà đầu tư, đối tác hiện tại cũng như các nhà đầu tư, đối tác tiềm năng trong tương lai.

03



Đối với khách hàng

Khách hàng là yếu tố quyết định sự thành công của Công ty. Vì vậy, QBS luôn lấy khách hàng làm trọng tâm cho các chiến lược phát triển với cam kết luôn đảm bảo quyền lợi và lợi ích của khách hàng. QBS cam kết cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến với khách hàng, đồng thời luôn lắng nghe và đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Trong năm 2023, lượng điện tiêu thụ là 18 kWh. Điện được sử dụng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, trong đó chủ yếu là hoạt động văn phòng của cán bộ công nhân viên. Trong đó 100% là điện lưới được cung cấp bởi EVN và các công ty thành viên. Bên cạnh điện năng, các nhiên liệu khác cũng được sử dụng như xăng, dầu diesel cho các hoạt động phát điện, giao thông và ngoài giao thông.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

So với năm 2022, tổng lượng điện tiêu thụ của năm 2023 giảm 6 kWh (tương đương giảm 25%). Để đạt được hiệu quả trên, QBS đã tích cực triển khai các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Ví dụ: Sử dụng ánh sáng tự nhiên thay cho đèn điện, thay thế các thiết bị tiêu hao nhiều năng lượng bằng các thiết bị tiết kiệm điện năng đồng thời vẫn đảm bảo được hiệu suất hoạt động, hưởng ứng lời kêu gọi tiết kiệm điện của Nhà nước, mùa hè bật nhiệt độ không dưới 25 độ... Trong thời gian tới, QBS tiếp tục thực hiện các biện pháp để tăng cường hiệu quả năng lượng và hướng đến tăng tỷ trọng năng lượng sạch cho hoạt động kinh doanh của công ty.

Lượng điện tiêu thụ 2023 Lượng điện tiêu thụ giảm
18 kWh **25%** so với năm 2022

NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

QBS hoạt động trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu nên các nguồn nguyên vật liệu công ty sử dụng chủ yếu là các nguyên vật liệu thô và lượng sử dụng là không đáng kể.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

QBS đã sử dụng khoảng 300 mét khối nước trong năm 2023, trong đó nguồn cung cấp nước chủ yếu đến từ nguồn cung cấp nước sạch Nhà máy nước Hải phòng. So với năm 2022, lượng nước được tiêu thụ vẫn giữ ổn định.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Do đặc thù hoạt động kinh doanh chủ yếu ở văn phòng, QBS chú trọng trong việc góp phần tiết kiệm tài nguyên nước thông qua việc khuyến khích cán bộ công nhân viên sử dụng tiết kiệm nguồn nước và nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên nước.

Lượng nước tiêu thụ 2023

300 m³

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành và không có bất cứ vi phạm nào được phát hiện hay xử phạt bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong năm tài chính này.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Hiện nay, tổng số lao động của QBS là 18 người. QBS đã và đang đảm bảo quyền bình đẳng và ủng hộ sự tham gia lao động của nữ giới với tỷ lệ lên tới hơn 70%. Về mức lương dành cho người lao động, QBS luôn đảm bảo mức lương tối thiểu theo quy định và luôn hướng đến mục tiêu nâng cao thu nhập cho người lao động. Theo đó, mức lương bình quân hàng tháng của người lao động là 5.600.000 đồng.

Chính sách lao động đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

QBS luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam đối với người lao động bao gồm: Bộ Luật Lao động và Luật An toàn, Vệ sinh Lao động. Người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ hằng năm, được công ty hỗ trợ đối với hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi khi ốm đau, nghỉ thai sản, nghỉ ốm... Bên cạnh đó, công ty cũng cung cấp bữa ăn giữa ca, nước uống và các cơ sở tiện ích khác. Song song với đó, QBS tích cực trong việc gắn kết nội bộ thông qua các hoạt động văn nghệ những ngày lễ, các sự kiện thể thao, kỷ niệm nội bộ...

Năm 2023, công ty không ghi nhận bất cứ sự cố, tai nạn lao động và thương tích nghề nghiệp nào.

Hoạt động tuyển dụng và đào tạo người lao động

Trong năm 2023, đối mặt với thị trường khắc nghiệt và tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều thách thức, số lượng nhân sự của QBS đã giảm 15% so với năm 2022. QBS chủ trương thực hiện chính sách khuyến khích học tập liên tục và trao cơ hội học hỏi bình đẳng cho tất cả cán bộ nhân viên.



Công ty tổ chức lễ 20/10 cho CBCNV nữ

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Công ty tiếp tục duy trì và phát huy trách nhiệm cộng đồng với nhiều hoạt động thiện nguyện quanh năm, với tổng số tiền lên đến 315.000.000 đồng. Cụ thể:

- Công ty tổ chức chương trình "Tết ấm no" với mục đích dành tặng nhiều suất quà (bao gồm tiền và hiện vật) cho các gia đình chính sách, có hoàn cảnh khó khăn tại xã Tân Dương (huyện Thủy Nguyên) và phường Hạ Lý (quận Hồng Bàng).
- Công ty đại diện tài trợ đi học cho 01 cháu bé có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đi học tại Dự Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.
- Công ty phối hợp thực hiện chương trình trao quà định kỳ hàng tháng (10 suất/1 lần/tháng) cho các bệnh nhi mắc bệnh hiểm nghèo, nan y, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Bệnh viện Nhi Trung Ương.



Công ty trao quà Tết cho gia đình chính sách



Công ty trao quà định kỳ hàng tháng tại Viện Nhi



06

Báo cáo tài chính kiểm toán 2023

- 88 Báo cáo của Ban Điều hành
- 90 Báo cáo kiểm toán độc lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây được gọi là “Công ty”) để trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Thị Dương

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Số: 395 /2024/UHY-HN/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 02/04/2024, từ trang 06 đến trang 36 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm ngày 31/12/2023, Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho cũng như không thực hiện được thủ tục thay thế. Theo đó, Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu và tính giá trị của hàng tồn kho với giá trị là 55.308.044.791 VND. Chúng tôi cũng không đánh giá được giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có).

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2023 với số tiền lần lượt khoảng 404,52 tỷ VND; 43,08 tỷ VND và 0,74 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, Ngày 02 tháng 04 năm 2024

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



HOÀNG ĐÌNH HẢI – Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2023-112-1

TRẦN HỒNG GIANG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3893-2022-112-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		462.454.055.155	561.460.392.378
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.175.244.925	10.852.051.281
Tiền	111		175.244.925	852.051.281
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		396.386.758.030	500.337.057.963
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	559.261.348.973	566.369.527.340
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	48.165.363.393	76.948.704.893
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	309.059.088	334.045.389
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(211.349.013.424)	(143.315.219.659)
Hàng tồn kho	140	10	55.308.044.791	50.039.495.798
Hàng tồn kho	141		55.308.044.791	50.039.495.798
Tài sản ngắn hạn khác	150		584.007.409	231.787.336
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	16.552.169	1.369.770
Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.455.240	20.417.566
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	510.000.000	210.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.481.197.095	16.994.632.435
Tài sản cố định	220		11.476.866.717	12.759.327.989
Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.476.866.717	12.759.327.989
- Nguyên giá	222		20.216.407.222	20.597.334.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.739.540.505)	(7.838.006.506)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	-	4.219.882.432
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	4.560.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(340.117.568)
Tài sản dài hạn khác	260		4.330.378	15.422.014
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.330.378	15.422.014
TỔNG TÀI SẢN	270		473.935.252.250	578.455.024.813

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		29.442.306.816	92.929.398.243
Nợ ngắn hạn	310		29.442.306.816	92.112.731.588
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.078.129.505	6.980.833.810
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		81.740.843	214.783.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	756.512	56.354.803
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	761.789.133	34.842.535.241
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	13.743.666.686	42.241.999.997
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
Nợ dài hạn	330		-	816.666.655
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	-	816.666.655
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		444.492.945.434	485.525.626.570
Vốn chủ sở hữu	410	17	444.492.945.434	485.525.626.570
Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(261.249.683.863)	(220.217.002.727)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(220.217.002.727)	(81.516.512.910)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(41.032.681.136)	(138.700.489.817)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		473.935.252.250	578.455.024.813

Hải Phòng, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	453.288.599.350	359.357.021.692
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		453.288.599.350	359.357.021.692
Giá vốn hàng bán	11	19	451.051.808.977	359.170.471.955
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.236.790.373	186.549.737
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	497.688.199	348.804.164
Chi phí tài chính	22	21	(153.249.660)	(39.876.285.008)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		99.969.069	21.508.602.092
Chi phí bán hàng	25	22	54.187.104	1.056.974.720
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	72.743.463.886	139.227.729.712
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(69.909.922.758)	(99.873.065.523)
Thu nhập khác	31	23	29.093.443.569	36.398.137.926
Chi phí khác	32	24	216.201.947	75.225.562.220
Lợi nhuận khác	40		28.877.241.622	(38.827.424.294)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(41.032.681.136)	(138.700.489.817)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(41.032.681.136)	(138.700.489.817)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(592)	(2.001)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	(592)	(2.001)

Người lập biểu

Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến Chi

Hải Phòng, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vũ Thị Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(41.032.681.136)	(138.700.489.817)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.232.043.733	1.378.389.500
Các khoản dự phòng	03		67.693.676.197	71.172.105.315
(Lãi)/Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		83.001.751	323.593.368
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(410.956.033)	74.376.822.476
Chi phí lãi vay	06		99.969.069	21.508.602.092
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.665.053.581	30.059.022.934
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35.872.052.943	120.024.124.138
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.268.548.993)	(48.518.546.336)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(36.566.657.936)	(138.835.226.374)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.090.763)	94.098.689
Tiền lãi vay đã trả	14		2.193.106.749	(66.456.132.930)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(300.000.000)	(755.621.634)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.590.915.581	(104.388.281.513)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(41.000.000)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.582.461	6.902.727.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.565.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.560.000.000	447.600.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		518.777.412	335.876.630
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.046.359.873	456.803.603.903

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.500.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(30.814.999.966)	(354.665.499.972)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.314.999.966)	(354.665.499.972)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(677.724.512)	(2.250.177.582)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	10.852.051.281	13.097.514.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		918.156	4.714.843
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	10.175.244.925	10.852.051.281

Người lập biểu



Đỗ Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến Chi

Hải Phòng, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Chủ tịch Hội đồng Quản trị




Vũ Thị Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200730878 ngày 12/03/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 30 vào ngày 29/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 693.299.280.000 đồng chia thành 69.329.928 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 69.329.928 cổ phiếu niêm yết tương ứng 693.299.280.000 đồng với mã chứng khoán là QBS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 18 người (tại ngày 31/12/2022 là 27 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy).

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có 1 đơn vị phụ thuộc là Chi nhánh tại Quảng Bình với hoạt động kinh doanh chính là thương mại và dịch vụ.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh.

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh thương mại các mặt hàng phân bón, hóa chất và cho thuê lại kho, cho thuê ô tô,.....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng đầu tư tài chính.

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	12.714.223	279.801.979
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	162.530.702	572.249.302
- Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.175.244.925	10.852.051.281

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 3,2%/năm. Đây là hợp đồng tiền gửi kỳ quỹ có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thực hiện điều kiện kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Ahavita Việt Nam	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
			4.560.000.000	(340.117.568)
			4.560.000.000	(340.117.568)
			4.560.000.000	(340.117.568)

(*)

(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	559.261.348.973	(166.085.247.909)	566.369.527.340	(136.480.886.330)
- Công ty TNHH Thương mại XNK Nhật Thủy	9.595.261.492	(9.595.261.492)	9.595.261.492	(6.716.683.044)
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	132.049.764.300	(2.401.510.440)	106.841.350.000	(4.493.205.000)
- Công ty CP Đầu tư và TM Quốc tế Bình Minh Việt	-	-	154.341.017.458	(14.856.000.000)
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	(107.316.072.995)	107.316.072.995	(107.316.072.995)
- Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	-	-	6.582.754.985	-
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	131.488.750.000	(42.039.925.000)	119.994.850.000	-
- Công ty CP XNK Hà Nội	99.060.155.500	-	51.740.000.000	-
- Công ty CP 5FOODS	68.007.203.950	-	-	-
- Khách hàng khác	11.744.140.736	(4.732.477.982)	9.958.220.410	(3.098.925.291)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	559.261.348.973	(166.085.247.909)	566.369.527.340	(136.480.886.330)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	48.165.363.393	(45.114.548.893)	76.948.704.893	(6.685.116.707)
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn - VT	38.406.500.000	(38.406.500.000)	35.222.400.000	-
- Công ty CP Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
- Công ty CP TM Dịch vụ và XNK Trần Trang	-	-	31.280.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ	-	-	2.265.000.000	-
- Khách hàng khác	5.293.037.481	(2.242.222.981)	3.715.478.981	(2.219.290.795)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	48.165.363.393	(45.114.548.893)	76.948.704.893	(6.685.116.707)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	309.059.088	(149.216.622)	334.045.389	(149.216.622)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.342.466	-	72.328.767	-
- Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	112.500.000	-
- Phải thu khác	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	309.059.088	(149.216.622)	334.045.389	(149.216.622)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B09-DN

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	4.465.825.912
- Công ty CP Thực phẩm nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	2.863.598.538
- Công ty CP EEI	210.000.000	-	210.000.000	210.000.000
- Công ty CP Khảo sát Trung Nguyễn	4.650.000	-	4.650.000	4.650.000
- Al Hamd Argo Food Products PVT.Ltd	701.400.000	-	701.400.000	701.400.000
- ALRVAK L.TD	698.436.360	-	698.436.360	698.436.360
- M/S Blue Park SeaFood SPVT Ltd	115.260.000	-	115.260.000	115.260.000
- Hong Kong Jun YU International Import and Export Trading Co, Ltd	76.440.621	-	76.440.621	76.440.621
- Iber Digest S.L	208.071.000	-	208.071.000	208.071.000
- Siddiq Sea Food	114.120.000	-	114.120.000	114.120.000
- South Fish SeaFood S.A.C	113.845.000	-	113.845.000	113.845.000
- Công ty TNHH TM Hóa chất An Phát	43.647.749	-	43.647.749	43.647.749
- YonShing Trade Co.,Ltd	191.679.004	-	191.679.004	191.679.004
- Cano Pus Inter -Trade Pte Ltd	149.216.622	-	149.216.622	149.216.622
- Công ty TNHH TM XNK Nhật Thủy Nam Ninh	9.595.261.492	-	9.595.261.492	6.716.683.044
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	-	107.316.072.995	107.316.072.995
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	132.049.764.300	129.648.253.860	2.401.510.440	32.934.145.000
- Công ty CP Đầu tư và TM Quốc tế Bình Minh Việt	-	-	-	71.005.577.458
- Công ty SW Intertrade Trading	4.486.106.650	2.852.553.959	1.633.552.691	-
- Công ty TNHH TM và Đầu tư Hoàng Cầu	131.488.750.000	89.448.825.000	42.039.925.000	-
- Công ty CP XNK Đức Nguyễn - VT	38.406.500.000	-	38.406.500.000	-
Cộng	433.298.646.243	221.949.632.819	211.349.013.424	106.841.233.092

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B09-DN

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng hóa	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	55.308.044.791	-	50.039.495.798	-
Cộng	55.308.044.791	-	50.039.495.798	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	16.552.169	1.369.770
- Các khoản khác	16.552.169	1.369.770
Dài hạn	4.330.378	15.422.014
- Công cụ dụng cụ phân bổ	1.217.672	8.935.856
- Các khoản khác	3.112.706	6.486.158
Cộng	20.882.547	16.791.784

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	11.173.964.082	397.272.773	8.194.976.816	831.120.824	20.597.334.495
- Mua trong năm	41.000.000	-	-	-	41.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(421.927.273)	-	(421.927.273)
31/12/2023	11.214.964.082	397.272.773	7.773.049.543	831.120.824	20.216.407.222
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(2.083.659.386)	(397.272.773)	(4.554.237.561)	(802.836.786)	(7.838.006.506)
- Khấu hao trong năm	(457.145.919)	-	(766.816.666)	(8.081.148)	(1.232.043.733)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	330.509.734	-	330.509.734
31/12/2023	(2.540.805.305)	(397.272.773)	(4.990.544.493)	(810.917.934)	(8.739.540.505)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	9.090.304.696	-	3.640.739.255	28.284.038	12.759.327.989
31/12/2023	8.674.158.777	-	2.782.505.050	20.202.890	11.476.866.717

- Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 2.175.537.019 VND, tại ngày 01/01/2023 là 10.033.119.013 VND;

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 2.703.790.632 VND, tại ngày 01/01/2023 là 1.050.556.997 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	7.078.129.505	7.078.129.505	6.980.833.810	6.980.833.810
- Công ty CP Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
- Chi nhánh Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
- Fagro International Trading FZE	2.987.249.097	2.987.249.097	2.885.758.440	2.885.758.440
- Phải trả người bán khác	1.940.018.408	1.940.018.408	1.944.213.370	1.944.213.370
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.078.129.505	7.078.129.505	6.980.833.810	6.980.833.810

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp trong năm		31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	55.749.178	-	-	55.749.178	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	605.625	30.952.527	30.952.527	30.801.640	756.512	756.512	-	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-
	56.354.803	34.952.527	34.952.527	90.550.818	756.512	756.512		
Thuế và các khoản phải thu								
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	210.000.000	-	-	300.000.000	510.000.000	510.000.000	-	-
	210.000.000	-	-	300.000.000	510.000.000	510.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

Nội dung	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH				
Vay ngắn hạn	13.743.666.686	13.743.666.686	25.765.000.000	42.241.999.997
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức	-	-	-	24.265.000.000
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ	-	-	24.265.000.000	-
Vay cá nhân (1)	13.677.000.000	13.677.000.000	1.500.000.000	16.077.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	66.666.686	66.666.686	-	1.899.999.997
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng (2)	66.666.686	66.666.686	-	1.899.999.997
Vay dài hạn	-	-	-	816.666.655
Vay dài hạn	-	-	-	816.666.655
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng (2)	-	-	-	816.666.655
Cộng	13.743.666.686	13.743.666.686	25.765.000.000	43.058.666.652

Vay và nợ thuế tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.1

Thuyết minh chi tiết về các khoản vay tại thời điểm 31/12/2023:

- (1) Vay cá nhân: Vay cá nhân với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp;
(2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hải Phòng theo các Hợp đồng:
- Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/01 ngày 13/02/2019; Hạn mức: 2.009.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes - Benz S450 và phí bảo hiểm an toàn tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí BHATTD; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	761.789.133	34.842.535.241
- Kinh phí công đoàn	20.300.424	16.160.424
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	-	34.083.961.108
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	742.413.709
Dài hạn	-	-
Cộng	761.789.133	34.842.535.241

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng		BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP) <i>(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)</i>		Mẫu số B09-DN	
17. VỐN CHỦ SỞ HỮU			
17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND
01/01/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297
- Lỗ trong năm trước	-	-	-
31/12/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297
01/01/2023	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297
- Lỗ trong năm nay	-	-	-
31/12/2023	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297
		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
		(81.516.512.910)	624.226.116.387
		(138.700.489.817)	(138.700.489.817)
		(220.217.002.727)	485.525.626.570
		(220.217.002.727)	485.525.626.570
		(41.032.681.136)	(41.032.681.136)
		(261.249.683.863)	444.492.945.434

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng		BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP) <i>(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)</i>		Mẫu số B09-DN	
17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)			
17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU			
		31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương		92.005.790.000	92.005.790.000
- Vốn góp của các đối tượng khác		601.293.490.000	601.293.490.000
Cộng		693.299.280.000	693.299.280.000
17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN			
		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
+ Vốn góp đầu năm		693.299.280.000	693.299.280.000
+ Vốn góp tăng trong năm		-	-
+ Vốn góp giảm trong năm		-	-
+ Vốn góp cuối năm		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
17.4 CỔ PHIẾU			
		31/12/2023 CP	01/01/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông		69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
+ Cổ phiếu phổ thông		-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông		69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi		-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>		10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu	453.288.599.350	359.357.021.692
- Doanh thu bán hàng	451.478.462.450	356.878.290.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.810.136.900	2.478.731.692
Cộng	453.288.599.350	359.357.021.692

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.1

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	450.079.995.207	355.782.248.916
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	971.813.770	3.388.223.039
Cộng	451.051.808.977	359.170.471.955

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	453.791.111	348.534.164
- Lãi bán các khoản đầu tư	40.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.897.088	270.000
Cộng	497.688.199	348.804.164

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	99.969.069	21.508.602.092
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	14.375
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	86.898.839	323.593.368
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(340.117.568)	(61.708.494.843)
Cộng	(153.249.660)	(39.876.285.008)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**Mẫu số B09-DN***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>72.743.463.886</i>	<i>139.227.729.712</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.522.285.495	3.224.387.301
- Chi phí đồ dùng văn phòng	54.777.698	64.293.702
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	902.942.859	1.221.851.008
- Thuế, phí và lệ phí	-	9.804.900
- Chi phí dự phòng	94.835.472.002	132.880.600.158
- Chi phí hoàn nhập dự phòng	(26.801.678.237)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	839.481.585	1.410.586.034
- Chi phí bằng tiền khác	390.182.484	416.206.609
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	<i>54.187.104</i>	<i>1.056.974.720</i>
- Chi phí khấu hao TSCĐ	54.187.104	111.946.720
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	945.028.000
Cộng	72.797.650.990	140.284.704.432

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.582.461	-
- Chi phí lãi vay được miễn, giảm (*)	29.083.961.108	36.377.036.926
- Các khoản khác	900.000	21.101.000
Cộng	29.093.443.569	36.398.137.926

(*) Công ty được miễn giảm lãi tiền vay theo biên bản làm việc số 15/02/2023/BBLVF ngày 15/02/2023 giữa Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình và Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ.

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	-	74.405.811.185
- Xử lý dự án đầu tư	-	319.545.455
- Phạt vi phạm hợp đồng	-	205.580
- Các khoản chi phí khác	216.201.947	500.000.000
Cộng	216.201.947	75.225.562.220

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(41.032.681.136)	(138.700.489.817)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	557.488.786	22.957.997.489
- Khấu hao TSCĐ có Nguyên giá > 1,6 tỷ	254.388.000	254.388.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	86.898.839	323.593.368
- Chi phí không hợp lý khác	216.201.947	22.380.016.121
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	-	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(40.475.192.350)	(115.742.492.328)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(41.032.681.136)	(138.700.489.817)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(592)	(2.001)

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Điều hành Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	54.777.698	64.293.702
- Chi phí nhân công	2.522.285.495	3.224.387.301
- Khấu hao tài sản cố định	1.232.043.733	1.378.389.500
- Chi phí dự phòng	68.033.793.765	132.880.600.158
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	839.481.585	4.592.745.301
- Chi phí bằng tiền khác	1.087.082.484	1.532.511.509
Cộng	73.769.464.760	143.672.927.471

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm, Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu thương mại kinh doanh mặt hàng phân bón hóa chất chiếm trên 99,7% tổng doanh thu và toàn bộ hoạt động tại thị trường Việt Nam. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho Cho năm tài chính kết thúc đến ngày 31/12/2023 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

30. THÔNG TIN KHÁC**30.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Công ty con đến ngày 28/6/2022
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Dịch vụ thuê kho	-	615.000.000
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Cho vay	-	2.100.000.000
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Thu tiền cho vay	-	1.965.000.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Trả gốc tiền vay	-	7.490.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Trả gốc tiền vay	400.000.000	4.810.000.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2023	01/01/2023
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Vay ngắn hạn	13.677.000.000	14.077.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng,
thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
- Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 21/07/2022)	240.519.747	84.459.896
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Từ nhiệm ngày 21/07/2022)	263.751.145	248.617.171
- Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị	189.718.261	183.345.307
- Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	86.400.000	45.360.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	143.342.147	130.754.772
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	149.850.960	132.783.757
- Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	138.889.260	128.219.690
- Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	86.400.000	77.760.000
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	64.800.000	58.320.000
Cộng		1.363.671.520	1.089.620.593

30.2 CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Ngày 18/01/2024 Công ty nhận được Quyết định số 68/QĐ-CCT của Chi Cục thuế huyện Thùy Nguyên về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Theo đó Công ty bị truy thu 4.318.050.844 đồng thuế TNDN, phạt vi phạm hành chính 863.610.169 đồng, tiền chậm nộp thuế TNDN số tiền 848.597.821 đồng.

30.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đỗ Thu Hằng



Trần Thị Yến Chi




Vũ Thị Dương



CTCP XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
QUANG BINH IMPORT AND EXPORT JSC



(84.225) 626 3333



Info@quangbinhjsc.com.vn



www.quangbinhjsc.com.vn



Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng, Việt Nam.

